

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Mai Quốc Tuấn
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUYÊN HẢI – XÍ
NGHIỆP 7**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Mai Quốc Tuấn
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Mai Quốc Tuấn

Mã SV: 1412401138

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH
Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp;
- Tìm hiểu thực tế kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị thực tập;
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như

công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị thực tập

- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn trong công tác hạch toán kế toán

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Suu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu năm 2016 tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.....thángnăm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Mai Quốc Tuấn

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thúy Hồng
Đơn vị công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: **Mai Quốc Tuấn** Chuyên ngành: Kế toán - kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải - XN 7
Nội dung hướng dẫn:
Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán Nguyên vật liệu trong DN
Chương 2: Thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải - XN 7
Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải - XN 7

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- + Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và có tinh thần học hỏi
- + Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ quy định.
- + Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Chương 1: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải - XN 7, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán Nguyên vật liệu tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm

Giảng viên hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Khái quát về Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	3
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của NVL trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Phân loại nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	4
1.1.3. Đánh giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	6
1.1.3.1. <i>Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho.....</i>	6
1.1.3.2. <i>Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho</i>	7
1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	9
1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	9
1.2.1.1. <i>Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song</i>	10
1.2.1.2. <i>Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển ...</i>	11
1.2.1.3. <i>Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư.....</i>	12
1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	13
1.2.2.1. <i>Chứng từ sử dụng.....</i>	13
1.2.2.2. <i>Tài khoản sử dụng.....</i>	14
1.2.2.3. <i>Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu</i>	16
1.3. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp NVL trong doanh nghiệp.....	17
1.3.1. <i>Hình thức kế toán Nhật ký chung:</i>	18
1.3.2. <i>Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.....</i>	19
1.3.3. <i>Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ</i>	20
1.3.4. <i>Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....</i>	21
1.3.5. <i>Hình thức kế toán máy tính, kế toán sử dụng phần mềm kế toán</i>	22
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7	23
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7.....	23
2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7	23
2.1.1.1. <i>Quá trình hình thành và phát triển.....</i>	23
2.1.1.2. <i>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh</i>	24
2.1.1.3. <i>Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm</i>	24
2.1.1.4. <i>Tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự</i>	25
2.1.1.5. <i>Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý</i>	26
2.1.2. Thực tế tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7	27

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán	27
2.1.2.2. Thực tế vận dụng chế độ kế toán tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7.....	29
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7	31
2.2.1. Đặc điểm, phân loại, và công tác quản lý NVL tại Công ty.	31
2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu.	31
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu.	32
2.2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.	33
2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.....	33
2.2.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho.	33
2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho.	34
2.2.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.....	35
2.2.3.1. Tổ chức chứng từ kế toán.	35
2.2.3.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.	35
2.2.4. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty.	53
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	53
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	53
2.2.4.3. Hạch toán nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu.	53
2.2.4.4. Hạch toán nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu.	54
2.2.4.5. Hạch toán kết quả kiểm kê nguyên vật liệu.	54
2.2.4.6. Hạch toán đánh giá lại nguyên vật liệu.	54
2.2.4.7. Quy trình hạch toán	54
CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7	62
3.1. Nhận xét chung về tổ chức kế toán NVL tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7.....	62
3.1.1. Những kết quả đạt được.....	62
3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục	63
3.2. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7	63
3.3. Thực trạng sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7	65
3.4. Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7	65
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	69

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
DN	Doanh nghiệp
NVL	Nguyên vật liệu
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TSCĐ	Tài sản cố định
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐMB	Hợp đồng mua bán
PNK	Phiếu nhập kho
PXK	Phiếu xuất kho

MỞ ĐẦU

Quá trình sản xuất có vai trò vô cùng quan trọng, là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Bất kỳ một quá trình sản xuất nào cũng cần các yếu tố như sức lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động được biểu hiện dưới dạng vật hoá, là một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất. Khác với tư liệu lao động, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của lao động, chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Hơn nữa, nguồn cung cấp nguyên vật liệu không phải là vô hạn, đòi hỏi chúng ta phải có những biện pháp sử dụng nguyên vật liệu một cách hợp lý.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào không thể thiếu đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra. Mặt khác, trong quá trình phát triển, xu hướng chung của các doanh nghiệp là mở rộng sản xuất, biện pháp được các doanh nghiệp ưu tiên hàng đầu là giảm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải tìm được nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định, chất lượng đảm bảo và có giá thành hạ. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp phải quan tâm đến việc tổ chức quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Có như vậy, hiệu quả kinh tế đạt được mới cao, mới góp phần thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp.

Tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, nguyên vật liệu cũng là đối tượng lao động đặc biệt quan trọng. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tới 70% -75% trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm nên công tác quản lý nguyên vật liệu cần được quan tâm hàng đầu.

Sau một thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, em đã nhận thức sâu sắc và cụ thể hơn về công tác kế toán nguyên vật liệu, cũng như tầm quan trọng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, thi công các công trình. Chính vì vậy, em đã lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận nội dung chính của khóa luận, kết cấu gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Chương 3: Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa kế toán kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là cô giáo – ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Em cũng chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo và các anh chị phòng kế toán Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại Công ty. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Mai Quốc Tuấn

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát về Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

❖ *Khái niệm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp*

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động đã được thay đổi do lao động có ích tác động vào nó. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động nhưng không phải bất cứ một đối tượng lao động nào cũng là nguyên vật liệu mà chỉ trong điều kiện đối tượng lao động mà do lao động làm ra thì mới hình thành nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh giá trị nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên giá trị của sản phẩm dịch vụ tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

❖ *Đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp*

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động đã được thực hiện dưới dạng vật hóa như: Xi măng, gạch, cát, đá, sắt, thép...

Khác với tư liệu lao động, trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định. Chu kỳ sản xuất là khoảng thời gian từ khi đưa nguyên vật liệu vào sản xuất cho đến khi chế tạo xong, kiểm tra và nhập kho thành phẩm. Chu kỳ sản xuất có thể tính cho từng chi tiết, bộ phận sản phẩm hay sản phẩm hoàn chỉnh.

Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của sức lao động, chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất sản phẩm.

Toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Toàn bộ giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất được phản ánh vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, cuối kỳ được kết chuyển để tính giá thành cho sản phẩm tạo ra.

Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, nhận vốn góp liên doanh, vốn góp của các thành viên tham gia công ty,... trong đó chủ yếu là do doanh nghiệp mua ngoài.

❖ *Vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp*

Nguyên vật liệu là một yếu tố trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm. Do vậy chất lượng của nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu được đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng, chủng loại, có tác động rất lớn đến chất lượng sản phẩm. Vì vậy đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu sản xuất còn là một biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nguyên vật liệu liên quan trực tiếp tới kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, là đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó cung ứng nguyên vật liệu kịp thời với giá cả hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Xét cả về mặt hiện vật lẫn mặt giá trị, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu trong bất kỳ quá trình sản xuất nào, là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động. Chính vì vậy quản lý nguyên vật liệu chính là quản lý vốn sản xuất kinh doanh và tài sản của doanh nghiệp.

1.1.2. Phân loại nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Để thi công một công trình cần rất nhiều loại vật liệu khác nhau với một khối lượng rất lớn, bao gồm nhiều thứ, nhiều loại. Muốn quản lý tốt và hạch toán chính xác vật liệu phải tiến hành phân loại một cách khoa học, hợp lý.

Phân loại nguyên liệu, vật liệu và việc phân chia nguyên liệu vật liệu thành từng nhóm, thứ, loại, nguyên liệu vật liệu khác nhau, mỗi nhóm, thứ loại nguyên liệu vật liệu lại có cùng nội dung kinh tế hoặc cùng mục đích sử dụng.

Xét về mặt lý luận, cũng như trên thực tế có rất nhiều cách phân loại nguyên liệu vật liệu khác nhau tùy theo từng loại hình sản xuất ở mỗi doanh nghiệp. Song từng cách phân loại đều đáp ứng ít nhiều mục đích quản lý, hạch toán nguyên liệu, vật liệu trong đơn vị mình.

* Trong thực tế của công tác quản lý và hạch toán ở các DN, đặc trưng dùng để phân loại NVL thông dụng nhất là vai trò và tác dụng của NVL trong quá trình SXKD. Theo đặc trưng này, NVL ở các DN được phân ra các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: Là loại vật liệu bị biến đổi hình dạng và tính chất của chúng sau sản xuất. Trong quá trình chế biến sản xuất để cấu thành thực thể sản phẩm. Vật liệu chính cũng có thể là những sản phẩm của công nghiệp hoặc nông nghiệp khai thác từ trong tự nhiên chưa qua khâu chế biến công nghiệp như: sắt, thép, cát, đá....

- Vật liệu phụ: Là loại vật liệu có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất. Chủ yếu được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để nâng cao chất lượng sản phẩm hoặc để đảm bảo cho tư liệu lao động hoạt động được bình thường. Căn cứ vào vai trò và tác dụng của vật liệu phụ trong quá trình sản xuất.

Vật liệu phụ có ba loại:

+ Vật liệu phụ kết hợp với vật liệu chính để cấu thành thực thể của sản phẩm như vecni để đánh bóng đồ gỗ, thuốc nhuộm để nhuộm vải...

+ Vật liệu phụ làm thay đổi chất lượng của vật liệu chính như sut để tẩy trắng bột giấy...

+ Vật liệu phụ sử dụng để đảm bảo cho quá trình sản xuất được thuận tiện và liên tục như dầu mỡ tra vào máy...

+ Nhiên liệu: Là những thứ dùng để tạo nhiệt năng, như: than đá, than bùn, xăng dầu, nhiên liệu trong các doanh nghiệp thực chất là một loại vật liệu phụ. Tuy nhiên, nó được tách ra thành một loại vật liệu riêng, có yêu cầu và kỹ thuật quản lý riêng, hoàn toàn khác với vật liệu phụ thông thường.

+ Phụ tùng thay thế: Loại vật liệu được sử dụng cho hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản: Là các loại thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động xây lắp, xây dựng cơ bản.

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là loại vật liệu, thiết bị phục vụ cho việc lắp đặt các công trình xây dựng cơ bản bao gồm: Thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và kết cấu

- Vật liệu khác: Là các loại vật liệu đặc chủng của từng doanh nghiệp hoặc phế liệu thu hồi. Giúp người quản lý thấy rõ vai trò và tác dụng của từng loại trong quá trình sản xuất kinh doanh, qua đó đưa ra quyết định về quản lý và hạch toán từng loại nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và huy động nguyên vật liệu. Tuy nhiên cách phân loại này còn có những nhược điểm.

* Căn cứ theo chức năng (mục đích và nơi sử dụng) NVL được chia ra:

- NVL dùng cho sản xuất.

- NVL dùng cho nhu cầu khác.

* Căn cứ vào nguồn nhập, vật liệu được chia thành:

+ Nguyên vật liệu nhập do mua ngoài.

+ Nguyên vật liệu tự gia công chế biến.

+ Nguyên vật liệu nhập do góp vốn liên doanh

Tuy nhiên, để đảm bảo việc cung ứng nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt được hiệu quả tối ưu nhất, phải thấy được một cách cụ thể số liệu có và tình hình biến động của từng thứ, loại nguyên vật liệu, thì doanh nghiệp cần phải phân chia nguyên vật liệu một cách tỉ mỉ, chi tiết hơn nữa theo tính năng lý hóa theo quy cách, phẩm chất nguyên vật liệu, để thực hiện được điều đó phải lập sổ danh điểm vật liệu.

Sổ danh điểm vật liệu là một yếu tố quan trọng giúp cho việc hạch toán được chính xác là điều kiện cần thiết để tiến hành cơ giới hóa hạch toán nguyên vật liệu, từ sổ danh điểm nguyên vật liệu, khi đã mã hóa ký hiệu hóa các tên nguyên vật liệu thì đó là cơ sở để thống nhất tên gọi vật liệu, tránh sự nhầm lẫn, đồng thời để thống

nhất đơn vị tính thống nhất giá hạch toán và phục vụ cho hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

1.1.3. Đánh giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Để phục vụ công tác quản lý, hạch toán NVL phải thực hiện việc đánh giá vật liệu. Đánh giá nguyên vật liệu là dùng tiền để biểu thị giá trị của nguyên vật liệu theo nguyên tắc nhất định. Theo chuẩn mực 02-Hàng tồn kho thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau: Nguyên tắc giá gốc, nguyên tắc nhất quán và nguyên tắc thận trọng

Kế toán nhập, xuất, tồn kho NVL phải phản ánh theo giá trị thực tế (giá gốc). Tuy nhiên không ít các doanh nghiệp để giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể dùng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập, xuất NVL. Song dù đánh giá theo giá hạch toán, kế toán vẫn phải đảm bảo việc phản ánh tình hình nhập, xuất NVL trên các sổ kế toán tổng hợp, báo cáo kế toán theo giá thực tế.

1.1.3.1. Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên tắc xác định giá trị của nguyên vật liệu nhập kho, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế (giá gốc). Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó.

a. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn mua ngoài

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Giá thu mua} \\ \text{ghi trên hóa} \\ \text{đơn (bao gồm} \\ \text{cả thuế NK} \\ \text{nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{thực tế} \\ \text{phát sinh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thuế} \\ \text{không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CKTM,} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{mua được} \\ \text{hưởng} \end{array}$$

b. Với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến nhập kho

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của vật} \\ \text{liệu gia công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản chi phí để gia} \\ \text{công, chế biến phát sinh} \end{array}$$

c. Với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vật liệu xuất} \\ \text{gia công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tiền gia} \\ \text{công} \end{array}$$

d. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn nhận góp vốn

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Giá trị được các bên tham gia} \\ \text{góp vốn, đánh giá và chấp nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí liên quan} \\ \text{đến nhận góp vốn} \end{array}$$

e. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn viện trợ, tặng thưởng

$$\text{Giá thực tế} = \text{Giá trị thực tế tính theo giá thị trường tương đương} + \text{Chi phí liên quan}$$

f. Với phế liệu thu hồi nhập kho.

$$\text{Giá thực tế} = \text{Giá ước tính thực tế có thể sử dụng được hay bán được} + \text{Chi phí liên quan}$$

1.1.3.2. Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho

Giá thực tế NVL xuất kho được tính theo một trong các phương pháp sau:

a. Phương pháp bình quân gia quyền:

➤ *Giá bình quân cả kỳ dự trữ (bình quân gia quyền):* Phương pháp này tính giá VL xuất dùng theo giá thành bình quân cả kỳ dự trữ, cách tính như sau:

$$\text{Giá thực tế vật liệu xuất dùng trong kỳ} = \text{Số lượng vật liệu xuất dùng} \times \text{Đơn giá xuất kho bình quân}$$

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn ĐK} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Công việc tính giá lại chỉ thực hiện vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến độ chính xác và kịp thời của thông tin kế toán

➤ *Phương pháp tính giá thành bình quân sau mỗi lần nhập*

Theo phương pháp này sau mỗi lần nhập kho, đơn giá vật liệu xuất kho được tính lại cho từng danh điểm vật liệu như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho sau lần nhập } i = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán nhưng đòi hỏi nhiều thời gian và công sức tính toán.

➤ *Phương pháp đơn giá bình quân cuối kỳ trước*

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá thực tế VL tồn kho đầu kỳ (cuối kỳ trước)}}{\text{Số lượng VL tồn kho đầu kỳ (cuối kỳ trước)}}$$

Phương pháp này mặc dù tính toán đơn giản và kịp thời cung cấp cho tình hình biến động vật liệu xuất dùng trong kỳ. Tuy nhiên không chính xác vì không tính đến sự biến động giá vật liệu trong kỳ.

→ **Tóm lại:** Tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho mà áp dụng phương pháp đơn giá bình quân cho phù hợp. Nếu doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì tính theo đơn giá bình quân cuối kỳ trước. Nếu doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có thể tính theo đơn giá bình quân cuối kỳ, đơn giá bình quân liên hoàn.

b. Giá thực tế đích danh:

Giá thực tế đích danh được dùng trong những doanh nghiệp sử dụng NVL có giá trị lớn, ít chủng loại, sử dụng ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được, có điều kiện quản lý, bảo quản riêng theo từng lô trong kho.

Ưu điểm của phương pháp này là xác định được ngay giá trị nguyên vật liệu khi xuất kho. Theo phương pháp này nguyên vật liệu xuất kho của lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đấy để tính. Đây là phương án tốt, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh theo đúng giá trị thực tế của nó.

Nhược điểm: Đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ, theo dõi từng lô vật liệu xuất, nhập kho. Phương pháp này không thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng nhiều loại vật liệu có giá trị nhỏ và có nhiều nghiệp vụ xuất, nhập kho.

c. Phương pháp nhập trước xuất trước (First In First Out –FIFO)

Phương pháp này giả định những vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lô hàng xuất. Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng ít loại vật liệu, số lần nhập xuất kho ít. Giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

Ưu điểm: Phương pháp này giúp chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán. Trị giá vốn hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: Doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại sẽ được tạo ra bởi giá

trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng mặt hàng nhiều, phát sinh nhập, xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

d. Phương pháp giá bán lẻ

Đây là phương pháp mới bổ sung theo thông tư 200/2014/TT-BTC. Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự)

Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

Ngành kinh doanh bán lẻ như hệ thống các siêu thị đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù Chuẩn mực Việt Nam chưa có quy định cách tính giá gốc hàng tồn kho theo phương pháp bán lẻ nhưng thực tế các siêu thị vẫn áp dụng vì các phương pháp khác đã quy định trong Chuẩn mực không phù hợp để tính giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán của siêu thị. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về doanh số của siêu thị được xác định hàng ngày sẽ là căn cứ để xác định giá vốn và giá trị hàng tồn kho của siêu thị.

1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Mỗi loại nguyên vật liệu có vai trò nhất định với quy trình sản xuất. Sự thiếu hụt một loại vật liệu sẽ làm cho quá trình sản xuất bị ngừng trệ. Việc hạch

toán và cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về tình trạng, sự biến động của từng vật liệu là yêu cầu đặt ra đối với kế toán chi tiết vật liệu. Đáp ứng được các yêu cầu này sẽ giúp cho công việc quản lý và sử dụng vật liệu đạt hiệu quả cao. Hạch toán chi tiết vật liệu được thực hiện ở kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập xuất kho.

Do đặc điểm trong các doanh nghiệp sản xuất, NVL thường có nhiều chủng loại khác biệt. Tuy nhiên thiếu một NVL cũng có thể gây ngừng sản xuất, vì vậy hạch toán NVL phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng danh điểm nguyên vật liệu. Hiện nay có 3 phương pháp hạch toán chi tiết NVL

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mỗi phương pháp đều có những ưu, nhược điểm và phạm vi áp dụng riêng nhưng đều nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn NVL về số lượng về giá trị ở kho và phòng kế toán.

1.2.1.1 Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song

- Về nguyên tắc:

Ở kho theo dõi vật liệu về mặt số lượng trên thẻ kho, ở bộ phận kế toán theo dõi NVL về mặt số lượng và giá trị trên sổ kế toán chi tiết NVL

- Trình tự ghi chép:

Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép, hàng ngày căn cứ chứng từ nhập và xuất kho vật liệu thủ kho ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Sau mỗi nghiệp vụ nhập, xuất lại tính ra số tồn kho trên thẻ kho.

Mỗi chứng từ ghi vào thẻ kho một dòng.

Cuối mỗi ngày hoặc định kỳ thủ kho tiến hành phân loại chứng từ sau khi ghi vào thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán. Thủ kho luôn đối chiếu số tồn kho trên thẻ kho và thực tế tồn kho trong kho. Cuối tháng tiến hành khóa thẻ kho, xác định số tồn kho của từng loại vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán. Nếu có sai sót thì phải tìm nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời.

Ở phòng kế toán: Phải mở sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Sổ kế toán chi tiết vật liệu có nội dung giống thẻ kho nhưng chỉ khác là theo dõi cả giá trị và số lượng vật liệu.

Hàng ngày (hoặc định kỳ) khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho đưa lên, kế toán vật liệu phải kiểm tra chứng từ, đối chiếu các chứng từ nhập, xuất kho với

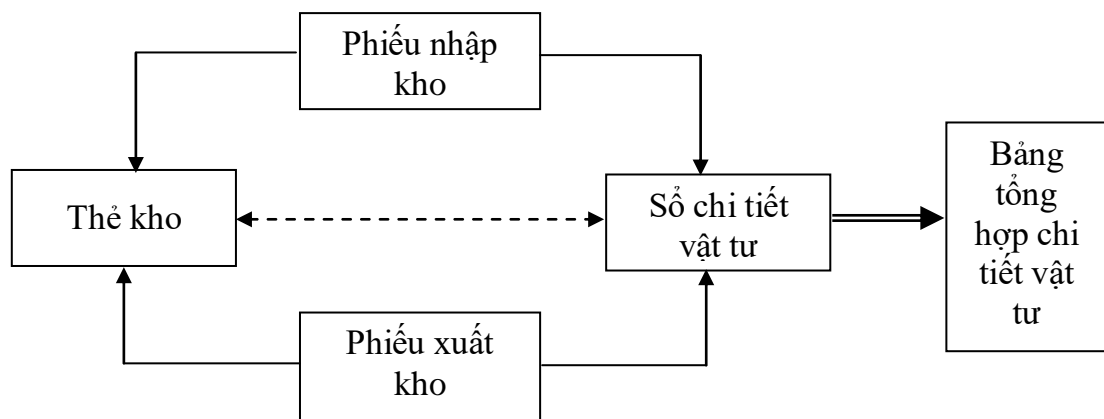
các chứng từ có liên quan như: hóa đơn mua hàng, hợp đồng vận chuyển, ... Ghi đơn giá vào phiếu và tính thành tiền trên từng chứng từ.

Đến cuối kỳ kế toán cộng sổ hoặc thẻ chi tiết kế toán vật liệu, tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu. Số liệu này được đối chiếu với số liệu tồn kho trên thẻ kho do thủ kho giữ. Sau đó kế toán căn cứ sổ chi tiết vật liệu để nhập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn. Số liệu trên bảng nhập - xuất - tồn này được đối chiếu với số liệu của kế toán tổng hợp.

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu kiểm tra.
- Nhược điểm: Có số lượng ghi chép nhiều.

* Sơ đồ hạch toán như sau:

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng (cuối quý)
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

1.2.1.2. Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

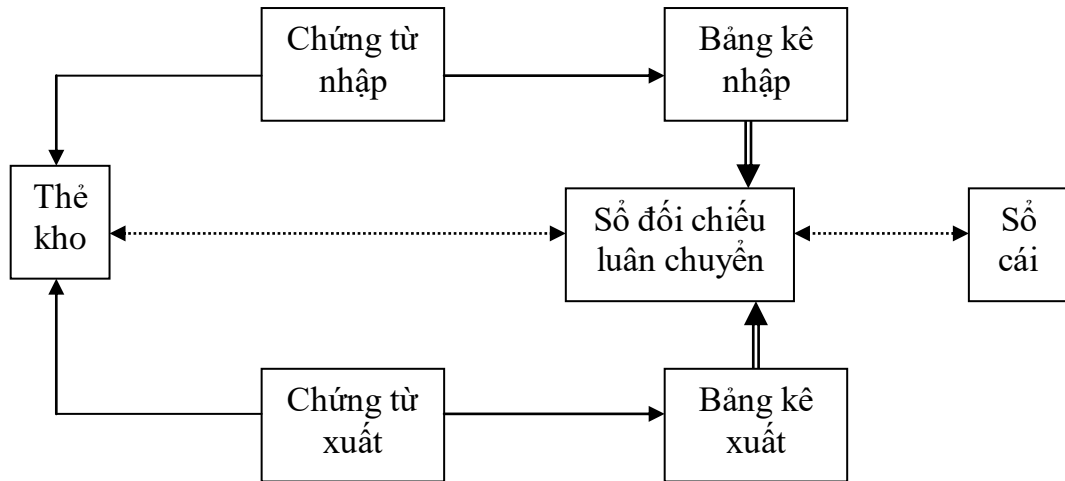
- Trình tự ghi chép:

Ở kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào phiếu nhập, xuất kho để ghi số lượng nhập, xuất vào thẻ kho.

Ở phòng kế toán: Kế toán nhận phiếu nhập, xuất kho từ thủ kho và ghi vào bảng tổng hợp chứng từ cuối tháng. Kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp để lên sổ đối chiếu luân chuyển cả về số lượng và giá trị, đồng thời đối chiếu số lượng vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho của thủ kho. Sau đó lấy số tiền của từng loại vật liệu trên sổ này để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

- * Ưu và nhược điểm.
- Ưu điểm: Đơn giản, dễ ghi chép.
- Nhược điểm: Việc ghi chép dồn vào cuối tháng nên công việc kế toán và báo cáo bị chậm trễ.
- * Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←·····→ Quan hệ đối chiếu
- ⇒ Ghi cuối tháng (cuối quý)

1.2.1.3 Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư

Phương pháp này kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép tại phòng kế toán. Do vậy ở kho theo dõi về mặt số lượng còn ở phòng kế toán theo dõi về mặt giá trị.

Trình tự ghi chép:

- Ở kho: Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho. Trong kỳ phân loại từng nhóm vật liệu quy định căn cứ vào kết quả phân loại chứng từ lập phiếu giao nhận chứng từ. Lập riêng các chứng từ nhập một bảng, chứng từ xuất một bảng, sau khi lập xong, kèm các phiếu nhập, phiếu xuất giao cho phòng kế toán.

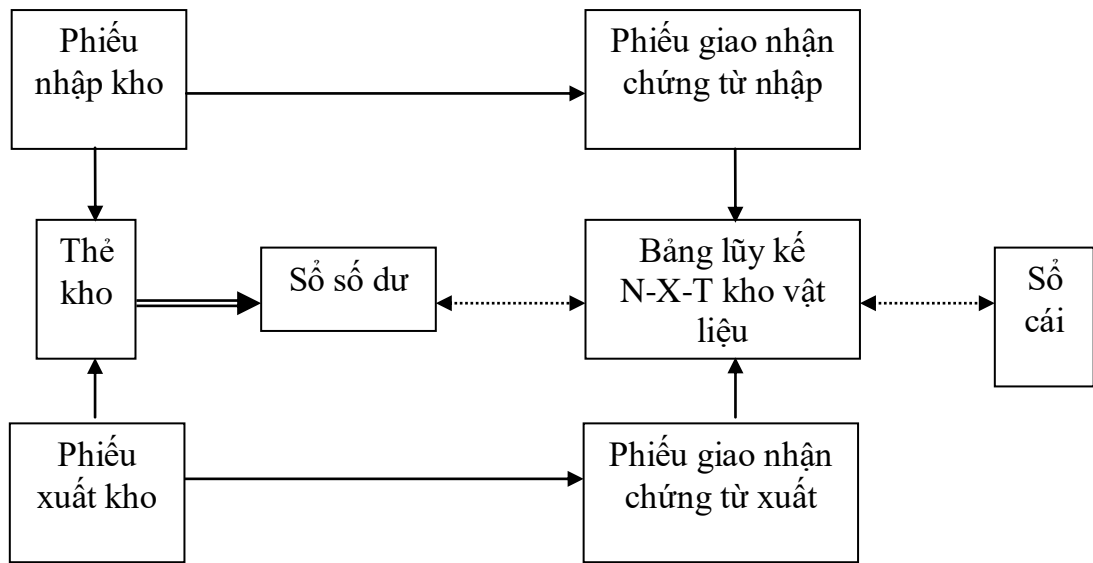
Đến cuối tháng căn cứ vào thẻ kho đã được kế toán kiểm tra. Ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng của từng loại vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư do phòng kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, ghi sổ số dư xong, chuyển cho phòng kế toán kiểm tra và tính thành tiền.

- Ở phòng kế toán: Khi nhận được chứng từ nhập, xuất kho vật liệu ở kho do thủ kho đưa lên, kế toán kiểm tra chứng từ và đối chiếu với các chứng từ có liên quan như: hóa đơn, phiếu vận chuyển. Kiểm tra việc phân loại của thủ kho, ghi giá hạch toán và tính tiền cho từng chứng từ, tổng hợp số tiền của các chứng từ ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ để ghi số tiền vào bảng lũy kế nhập, xuất tồn kho vật liệu.

* Ưu và nhược điểm:

- Ưu điểm: Khắc phục được ghi chép trùng lặp.

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu
 ==> Ghi cuối tháng (quý)

1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập, xuất kho thường xuyên, tuy nhiên tùy theo đặc điểm nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp có các phương thức kiểm kê khác nhau. Theo chế độ kế toán hiện hành có 2 phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

- Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Theo chế độ Chứng từ kế toán ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC vào ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính gồm:

- Phiếu nhập kho Mẫu số 01 - VT
- Phiếu xuất kho Mẫu số 02 - VT

- Biên bản kiểm nghiệm vật tư Mẫu số 03 – VT
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ Mẫu số 04 – VT
- Biên bản kiểm kê vật tư Mẫu số 05 – VT
- Bảng kê mua hàng Mẫu số 06 – VT
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu Mẫu số 07 – VT

Các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ, theo đúng quy định nhà nước về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

➤ **Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên**

❖ **TK 152 “Nguyên vật liệu”:** (được sử dụng chủ yếu) tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại NVL

Nợ	TK 152	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ. - Trị giá nguyên vật liệu tự chế biến, thuê ngoài gia công. - Nguyên vật liệu được nhận từ vốn góp liên doanh, hoặc nguồn khác. - Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập kho - Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê 		<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá nguyên vật liệu xuất kho để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh. - Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá hoặc trả lại người bán - Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng - Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát khi kiểm kê.
<p>Dư bên Nợ: Trị giá nguyên vật liệu thực tế tồn kho cuối kỳ</p>		

❖ **Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”** có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 1521- Nguyên vật liệu chính
- TK 1522- Nguyên vật liệu phụ
- TK 1523- Nhiên liệu
- TK 1524- Phụ tùng thay thế

TK 1526- Thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528- Vật liệu khác

❖ **TK 151: “Hàng mua đang đi đường”** tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư mua vào đã xác định là hàng mua nhưng chưa được nhập kho.

Nợ	TK 151	Có
<p>- Trị giá hàng đã mua đang đi trên đường</p>		<p>- Giá trị vật tư đang đi trên đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho đối tượng sử dụng hay khách hàng.</p>
<p>Dư bên Nợ: Trị giá vật tư đang đi đường chưa về nhập kho</p>		

Ngoài các tài khoản trên kế toán còn sử dụng một số tài khoản sau: TK111, TK 112, TK 154, TK 133, TK 141, TK 331, TK 411,

➤ **Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

❖ **TK611-mua hàng:** Theo dõi tình hình thu mua tăng giảm NVL theo giá trị thực tế.

Nợ	TK 611	Có
<p>- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)</p> <p>- Giá gốc NVL mua vào trong kỳ</p>		<p>- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL cuối kỳ.</p> <p>- Giá gốc NVL xuất sử dụng trong kỳ hoặc xuất bán, chưa xác định là đã bán trong kỳ.</p> <p>- Giá gốc nguyên vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.</p>
×		

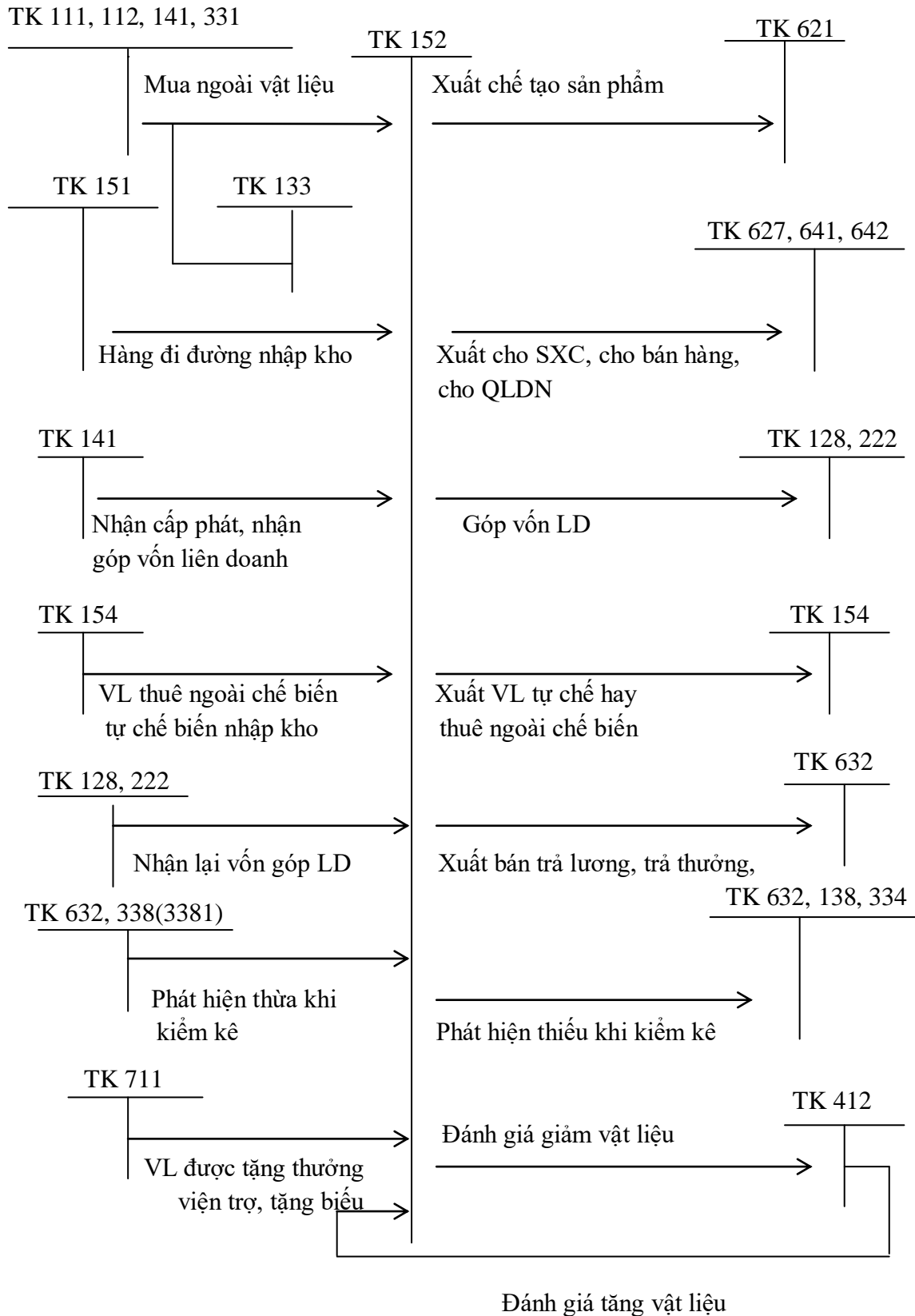
TK 611 cuối kỳ không có số dư và thường được mở chi tiết cho từng loại vật tư, hàng hóa.

TK 611 có hai tài khoản cấp 2:

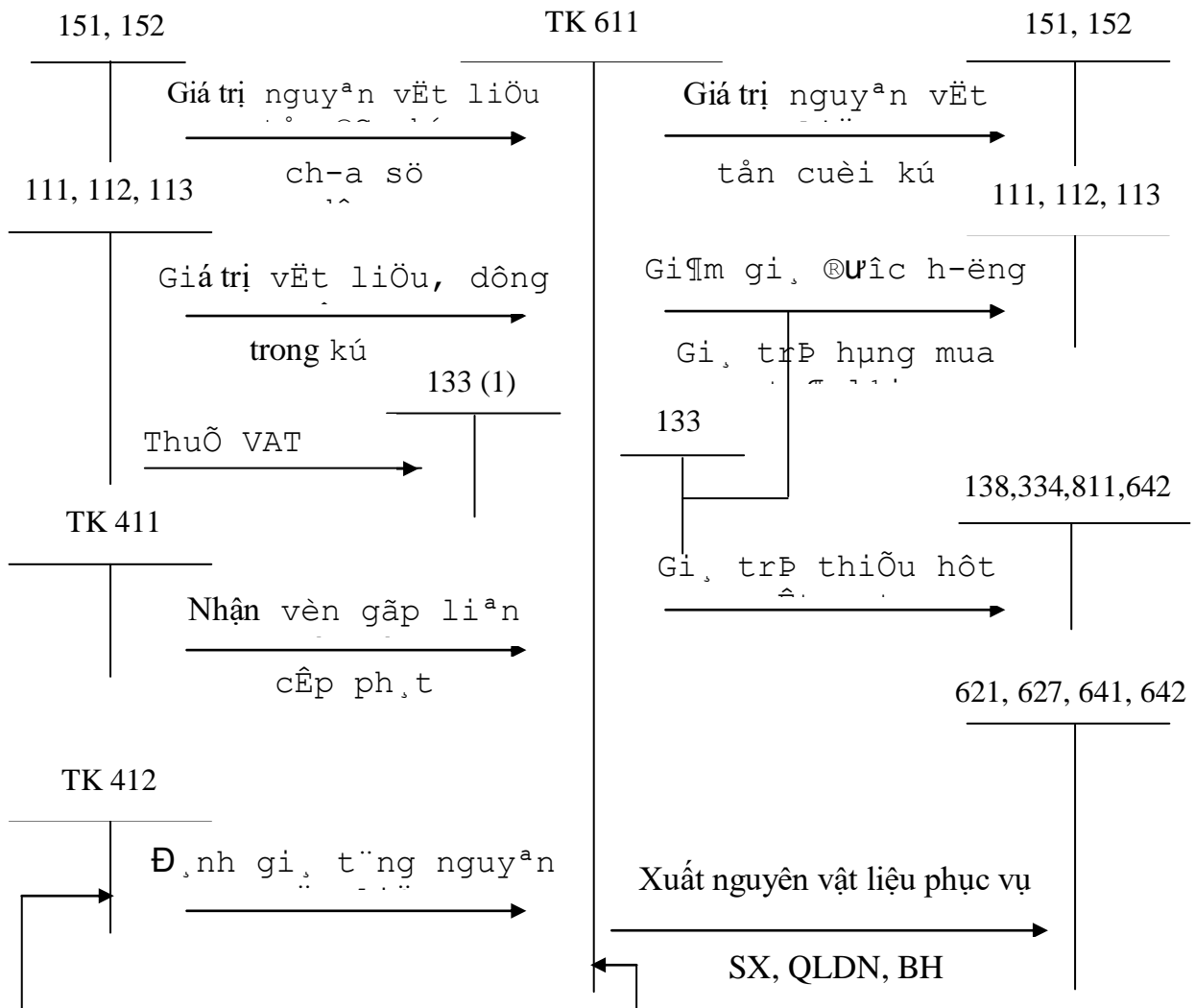
- TK 6111- *Mua nguyên vật liệu*
- TK 6112- *Mua hàng hóa*

1.2.2.3. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Đánh giá giảm nguyên vật liệu

1.3. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

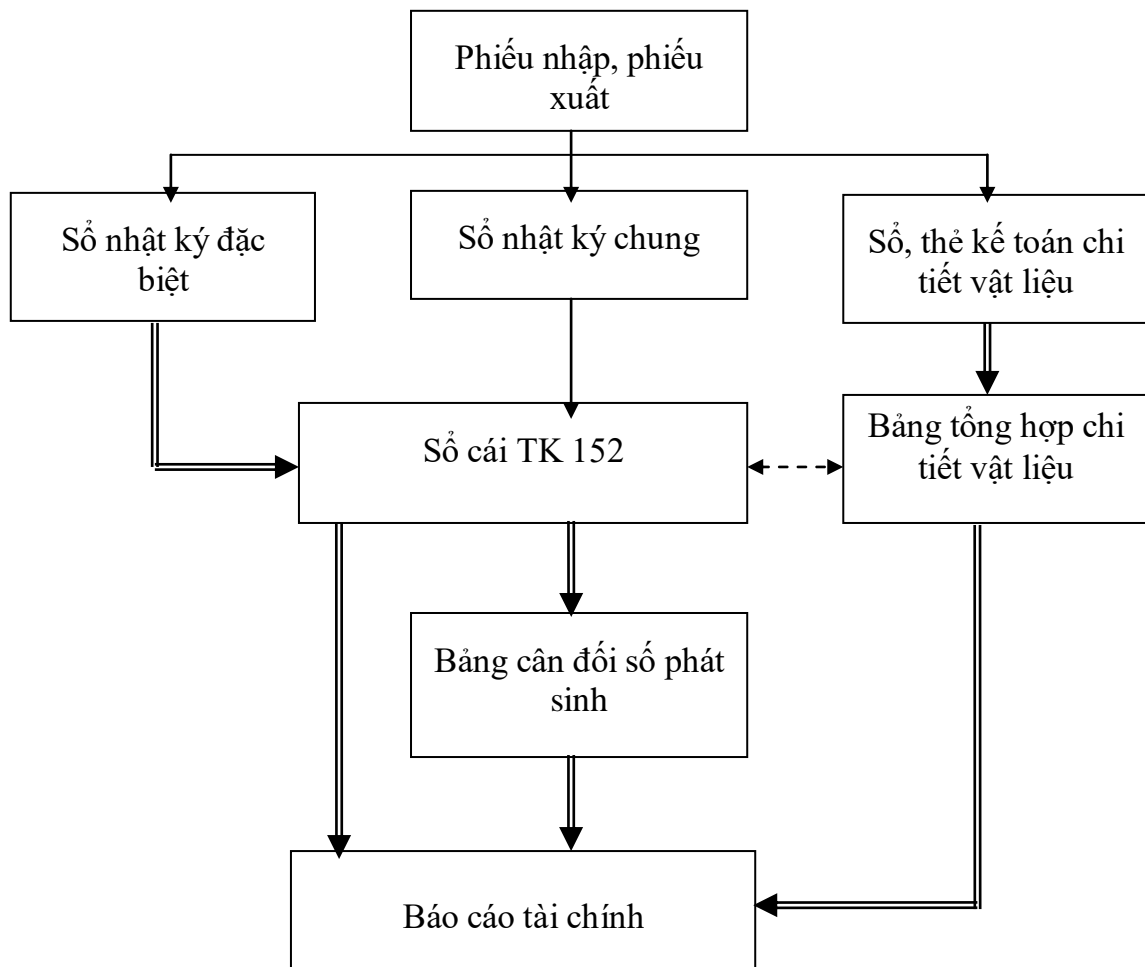
Chứng từ kế toán mới chỉ là những thông tin phản ánh riêng lẻ, chưa có tác dụng đối với công tác quản lý tổng hợp. Người ta không chỉ dựa trên các chứng từ riêng lẻ để đưa ra các quyết định kế toán. Vì vậy, cần phải sắp xếp các chứng từ thành những nghiệp vụ có nội dung kinh tế và công dụng tương tự, sau khi đã được sắp xếp bằng cách phản ánh đối ứng tài khoản thì cần theo dõi thường xuyên sổ sách kế toán chính là để đáp ứng nhu cầu đó. Các sổ kế toán không giống nhau vì từng loại nghiệp vụ sẽ có tính chất khác nhau nhưng giữa chúng có mối quan hệ mật thiết trong ghi chép đối chiếu. Mỗi cách kết hợp với nhau sẽ đem lại một hệ thống sổ khác nhau có những quy định riêng.

Hệ thống sổ kế toán trong doanh nghiệp được xây dựng để theo dõi tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Nhưng trong phạm vi đề tài nghiên cứu, em chỉ xét hệ thống sổ kế toán sử dụng hạch toán NVL.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi nhận vào “Sổ nhật ký” mà trọng tâm là “Sổ nhật ký chung”, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ “Nhật ký” để ghi “Sổ cái” theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ: 1.6: Hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

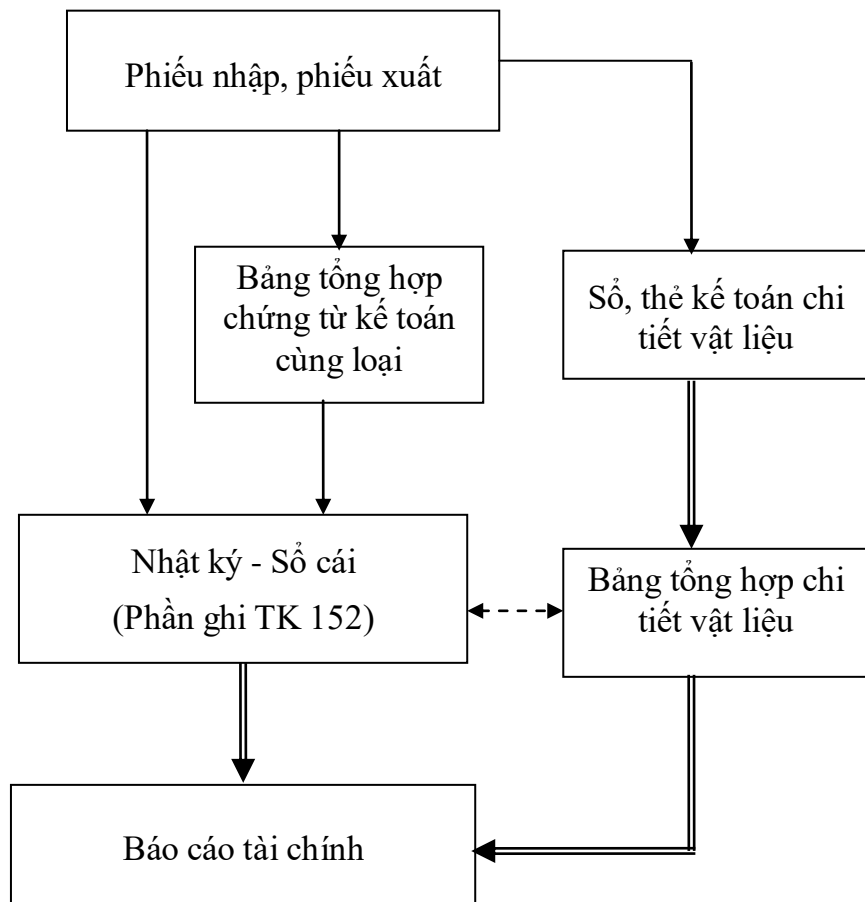
- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào những chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán liên quan. Từ đó ghi lên các sổ chi tiết nếu có.

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ “Nhật ký – Sổ cái”. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sơ đồ: 1.7: Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

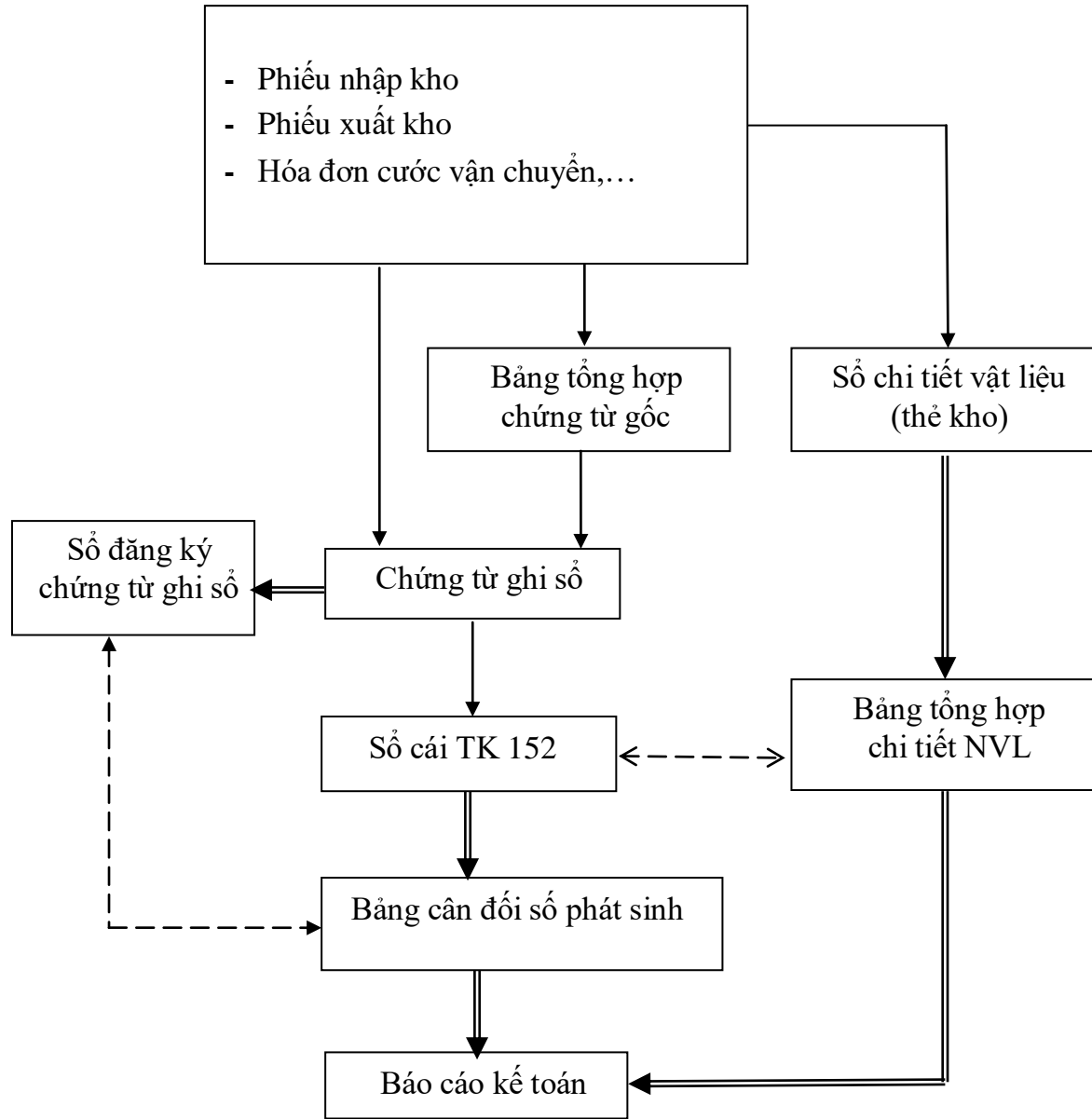


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- > Đối chiếu, kiểm tra

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ: 1.8: Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 <---> Đối chiếu kiểm tra
 ==> Ghi cuối tháng

Theo hình thức này việc hạch toán NVL được thực hiện trên các chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản nguyên vật liệu, sổ chi tiết.

Hàng ngày hoặc định kỳ kế toán tập hợp, phân loại từng chứng từ theo nghiệp vụ kinh tế, lập chứng từ ghi sổ cho các chứng từ cùng loại có cùng định khoản. Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong được ghi vào sổ đăng ký chứng từ để lấy số liệu. Số liệu của chứng từ ghi sổ chính là số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ

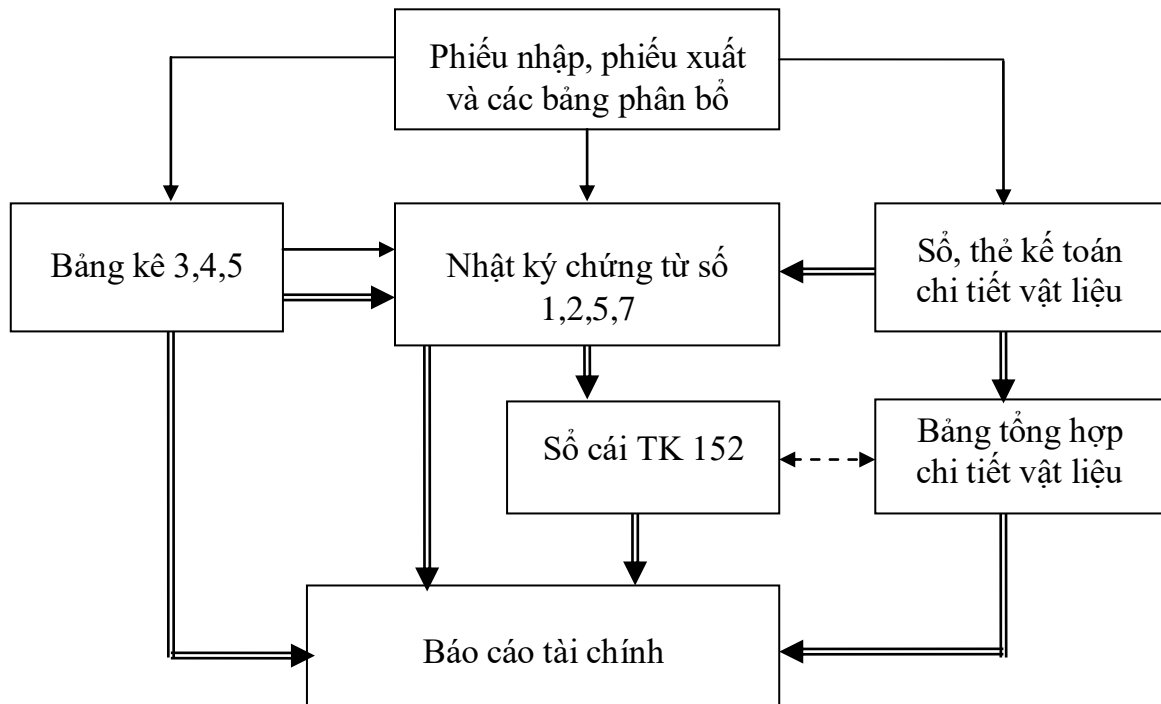
ghi số, số liệu tổng cộng trên chứng từ ghi số để được dùng ghi số cái để tính số phát sinh và số dư cuối kỳ các tài khoản. Căn cứ vào số liệu cuối tháng kế toán lập bảng cân đối tài khoản và báo cáo cho kế toán.

Kế toán chi tiết cũng căn cứ vào số liệu trên các chứng từ để ghi vào các sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các số liệu trên các sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp các số liệu chi tiết. Đối chiếu số liệu của bảng này so với các số liệu của các tài khoản tổng hợp trên sổ cái để phát hiện sai sót.

Hình thức này có ưu điểm là thích hợp với mọi loại hình đơn vị, thuận tiện cho áp dụng máy vi tính. Tuy nhiên việc ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc lập báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện kế toán thủ công.

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Sơ đồ: 1.9: Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào nhật ký chứng từ hoặc bảng kê có liên quan. trường hợp chi hàng ngày vào bảng kê thì cuối tháng phải chuyển số liệu tổng của bảng kê vào nhật ký chứng từ. Chứng từ gốc sau khi ghi vào nhật ký chứng từ , hoặc bảng kê được

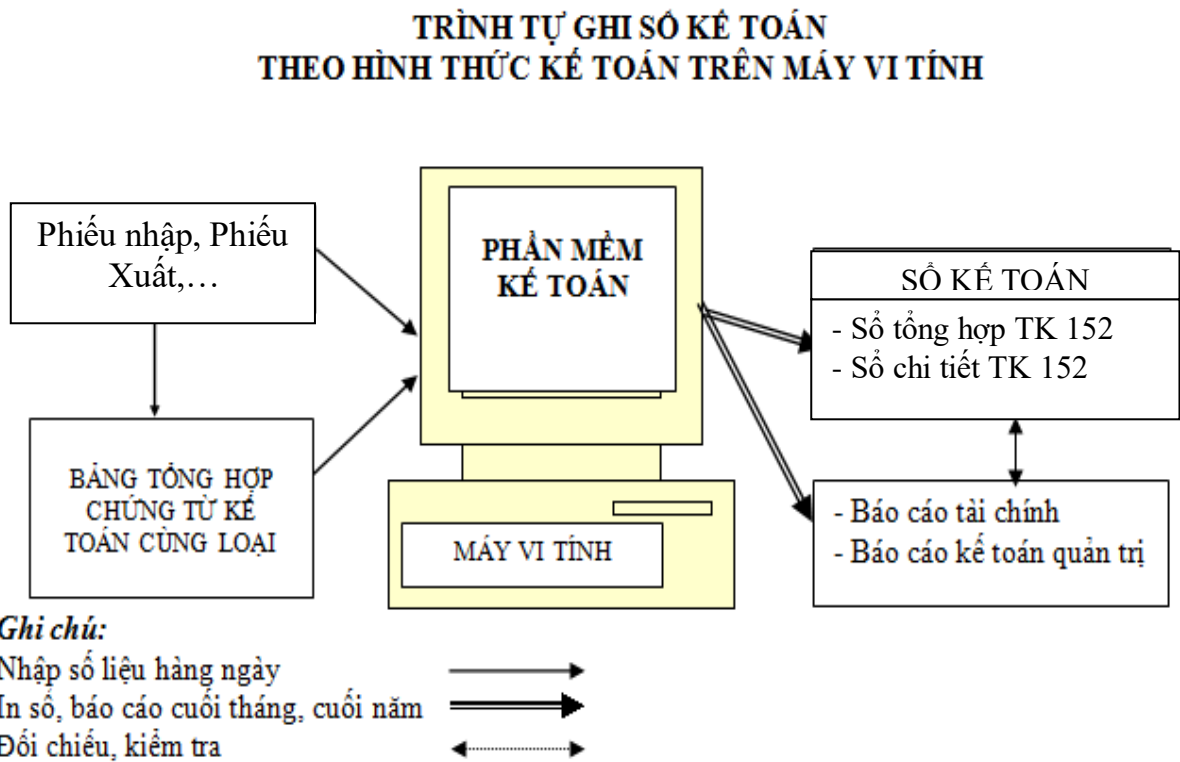
chuyên sang các bộ phận kế toán chi tiết để ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng công các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái. Sau khi khớp đúng số liệu, số liệu ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết là cơ sở để lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán khác.

Hình thức này phù hợp với các loại hình kinh doanh phức tạp, quy mô lớn, những đơn vị có trình độ quản lý và kế toán cao, có nhu cầu chuyên môn hóa sâu, lao động kế toán thủ công.

1.3.5. Hình thức kế toán máy tính, kế toán sử dụng phần mềm kế toán

Theo hình thức này thì tất cả các công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình một phần mềm kế toán trên máy tính của mỗi doanh nghiệp. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc là sự kết hợp của các hình thức kế toán quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

Sơ đồ: 1.10: Hình thức kế toán trên máy vi tính



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7

2.1. Tổng quan về công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7

2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Duyên Hải

2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 - Quân khu 3
- Tên giao dịch: Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7
- Địa chỉ: Số 238 - Đường Lê Duẩn - Quận Kiến An - Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 031 3777391
- Fax: 031 3876404

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 - Quân khu 3 tiền thân là D4-C27 thuộc phòng công binh Quân khu Tả ngạn được tách ra thành lập Xưởng 7 vào ngày 20 tháng 10 năm 1970. Từ năm 1970 đến 1975 được giao nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng cơ khí, mộc phục vụ sản xuất và chiến đấu. Từ năm 1976 được điều động về Cục Kinh tế Quân khu 3 cho đến năm 1988. Trong thời gian này xưởng được giao nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng cơ khí, mộc phục vụ sản xuất, đời sống, chính sách cho các đơn vị trong Quân khu.

Ngày 1 tháng 1 năm 1988 xưởng 7 được Bộ Tư lệnh Quân khu 3 điều về Sư đoàn 319 có nhiệm vụ sản xuất hàng cơ khí mộc và xây dựng. Đồng thời đổi tên thành Xí nghiệp 7 - Công ty Xây dựng 319. Ngày 1 tháng 1 năm 2012 Xí nghiệp 7 được điều về Công ty TNHH MTV Duyên Hải lấy tên là Xí nghiệp 7 - Công ty Duyên Hải.

Là một doanh nghiệp Nhà nước có đầy đủ tư cách pháp nhân hoạt động trong ngành xây dựng, trong điều kiện cơ chế thị trường công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 đã chuyển hướng đầu tư cả về chiều rộng và chiều sâu, điển hình là công ty nhập máy móc thiết bị thi công của các nước như Nhật, Đức, Hàn Quốc. Đồng thời đổi mới trong công tác quản lý sản xuất, tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Chính vì vậy mà công ty có khả

năng xây dựng các công trình có qui mô lớn kết cấu phức tạp và ngày càng có uy tín trên thị trường.

Qua 43 năm hình thành và phát triển đến nay công ty Duyên Hải đã thi công hàng trăm công trình vừa và lớn trên khắp cả nước trong đó có nhiều công trình có chất lượng cao của ngành xây dựng Việt Nam như: Nhà khách QK3; Trụ sở thi hành án QK3; Đường xuyên đảo Cát Bà; Cầu cảng công ty 9 - Bộ đội biên phòng Quảng Ninh; Trường cao đẳng nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng; Nhà điều hành VINACOM - Tập đoàn than và khoáng sản Việt Nam...

2.1.1.2. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 - Quân khu 3 là một đơn vị kinh tế trong quân đội. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty hiện nay là nhận thầu xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi và sản xuất các mặt hàng truyền thống cơ khí, mộc, kết hợp thực hiện các chính sách hậu phương quân đội, địa bàn hoạt động của công ty rộng khắp trên toàn quốc.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi,...

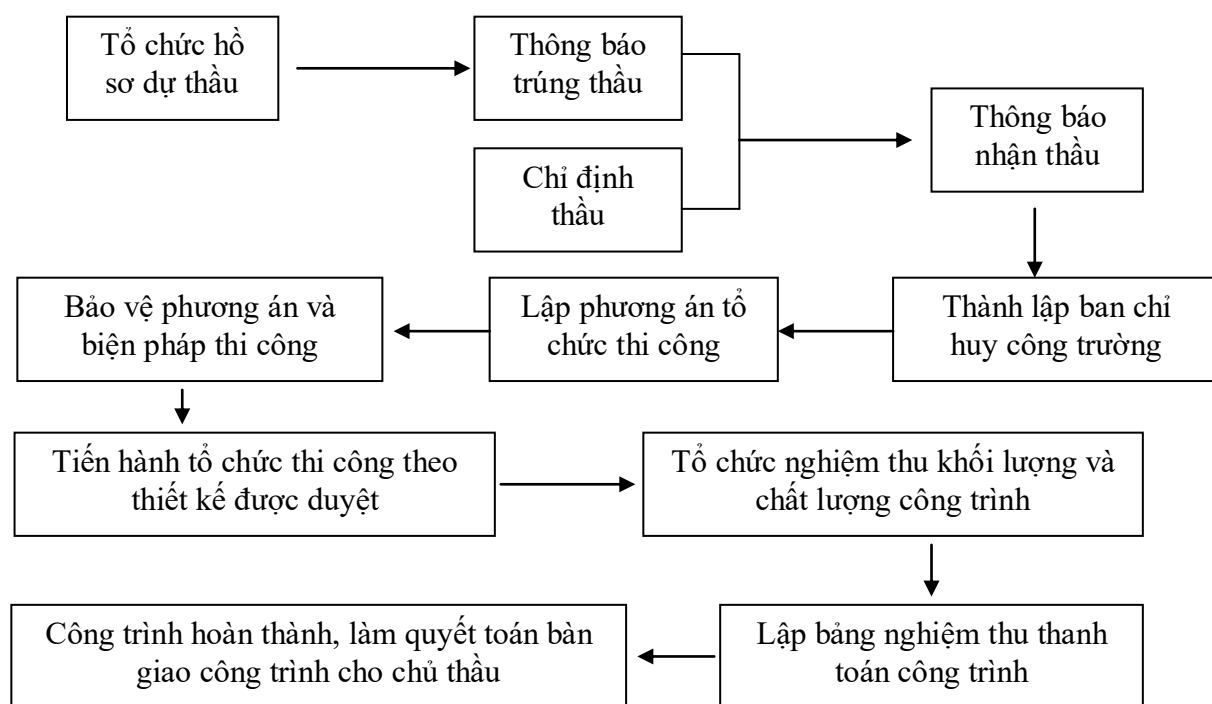
Sản phẩm chủ yếu: Nhà ở, trụ sở làm việc, đường giao thông.

2.1.1.3. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí Nghiệp 7 là một doanh nghiệp kinh doanh độc lập, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản nên thời gian hoàn thành một sản phẩm dài hay ngắn phụ thuộc vào từng công trình, hạng mục công trình. Sản phẩm của ngành xây dựng mang tính đơn chiếc, thị trường phân tán, tổ chức sản xuất ở cấp đội được biên chế đầy đủ cán bộ chỉ huy, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kế toán...

Tùy theo quy mô và độ phức tạp của công trình, công ty sẽ quyết định giao khoán cho các đội với từng hạng mục công trình cụ thể, khoán gọn hay chỉ khoán khoản mục chi phí. Cá nhân, bộ phận có trách nhiệm sẽ lên kế hoạch và tiến hành thi công. Công ty có vai trò cùng giám sát tiến độ và chất lượng thi công công trình, tiến hành nghiệm thu khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành.

Sơ đồ 2.1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại công ty Duyên Hải



2.1.1.4. Tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự

➤ **Tình hình sản xuất kinh doanh**

Một số chỉ tiêu thể hiện kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Duyên Hải – Xí nghiệp 7 trong những năm gần đây

Đơn vị: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
I	Giá trị sản lượng	215.850.679.250	250.950.678.365	268.654.598.690
II	Doanh thu thuần	202.655.189.790	231.751.922.312	255.553.588.882
	1. Doanh thu sản phẩm quốc phòng	20.268.439.650	15.269.430.635	29.642.082.454
	2. Doanh thu các sản phẩm kinh tế	182.386.750.140	216.482.491.677	225.911.506.428
III	Lợi nhuận sau thuế	2.515.645.125	3.303.291.571	3.884.135.623
IV	Nộp ngân sách	4.588.950.675	5.052.562.168	6.086.143.704
V	Thu nhập bình quân	6.000.000	6.000.000	6.600.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7)

➤ **Tổ chức nhân sự**

Hiện nay công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 có tổng số lao động là 527 người.

+ Lao động trực tiếp: 474 người (70% trình độ tay nghề 4/7)

+ Lao động gián tiếp: 54 người. Trong đó:

Trình độ đại học và trên đại học 29 người (chiếm 53%)

Trình độ cao đẳng 4 người (chiếm 8%)

Trình độ trung cấp 9 người (chiếm 16%)

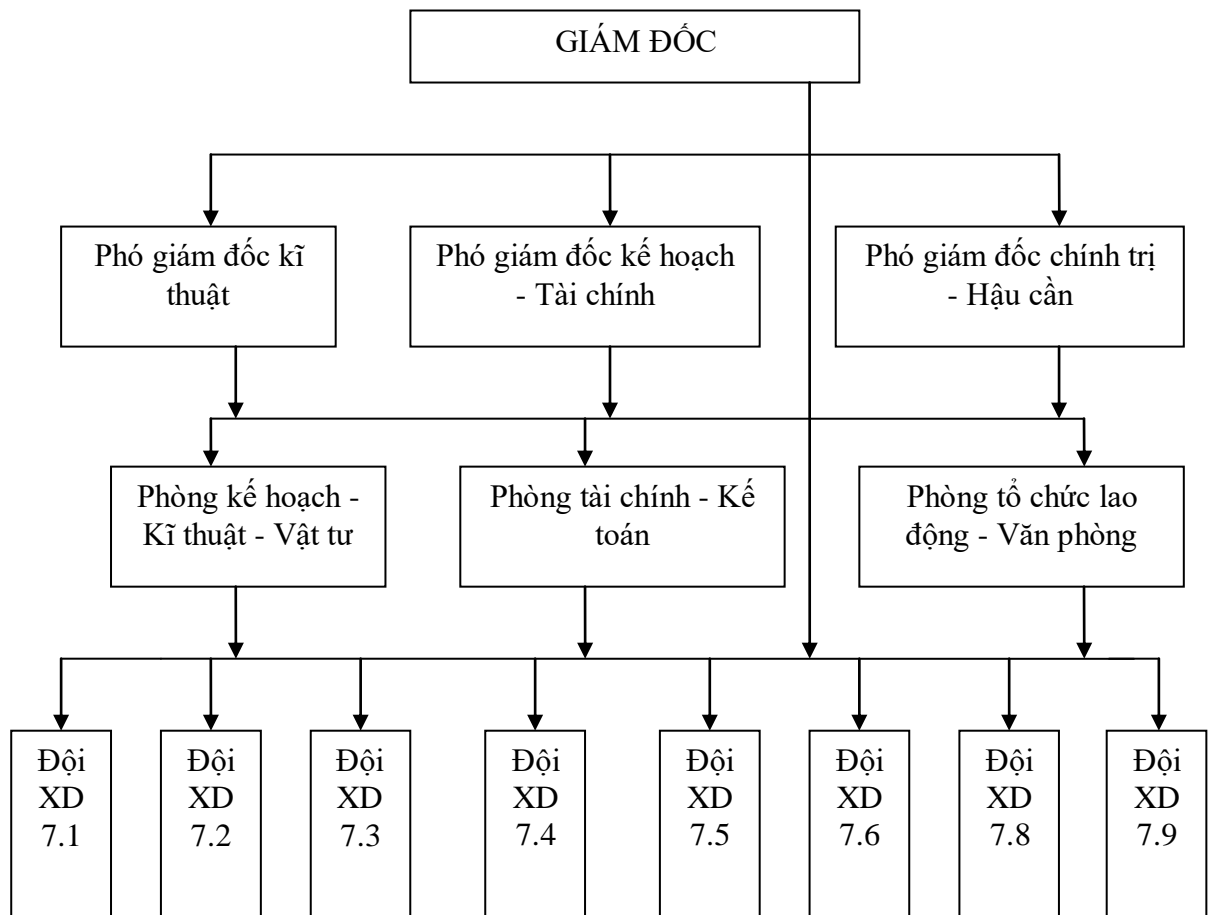
Trình độ sơ cấp 12 người (chiếm 23%)

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính – Công ty Duyên Hải)

2.1.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, từ Ban giám đốc Xí nghiệp và các phòng ban chức năng đến các đội trực thuộc được tinh giảm gọn nhẹ, đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý.

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Duyên Hải – Xí nghiệp 7



Trong đó:

- **Giám đốc Xí nghiệp:** Là người quản lý cao nhất trong xí nghiệp, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trước giám đốc công ty, trước Nhà nước và pháp luật.

- **Phó giám đốc kỹ thuật:** Phụ trách vấn đề kỹ thuật thi công cho các bộ phận sản xuất kịp đáp ứng tiến độ yêu cầu song vẫn đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- **Phó giám đốc kế hoạch - Tài chính:** Phụ trách kế hoạch và tài chính của đơn vị như chỉ đạo kế hoạch sản xuất, tham mưu về kế hoạch tài chính.

- **Phó giám đốc chính trị - Hậu cần:** Phụ trách vấn đề chính trị hậu cần của đơn vị như vấn đề tổ chức Đảng, tổ chức công đoàn, tổ chức biên chế nhân sự, tổ chức hành chính và các tổ chức khác của đơn vị.

- **Phòng kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư:** Lập các kế hoạch sản xuất, lập dự toán cho công trình, tham gia đấu thầu các công trình, chỉ đạo kỹ thuật thi công cho các bộ phận sản xuất, cung cấp thiết bị vật tư kịp thời.

- **Phòng tài chính - Kế toán:** Theo dõi tình hình tài chính của đơn vị, tình hình nguồn vốn, luân chuyển vốn, theo dõi công nợ, tập hợp chi phí tính giá thành, xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để cung cấp thông tin chính xác cho ban giám đốc về quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

- **Phòng tổ chức lao động - Văn phòng:** Tổ chức nhân sự, tổ chức xét duyệt nâng lương cho các cán bộ công nhân viên, tổ chức thi nâng bậc cho công nhân, làm thủ tục chế độ nghỉ hưu, mất sức cho công nhân viên trong xí nghiệp. Đảm bảo công việc tiếp tân, tiếp khách, sắp xếp chỗ ăn ở cho cán bộ công nhân viên, soạn thảo và tiếp nhận công văn giấy tờ.

- **Các đội sản xuất** (Đứng đầu là đội trưởng): Chịu trách nhiệm trước Đảng ủy - Ban giám đốc xí nghiệp về tổ chức, quản lý điều hành sản xuất của đội.

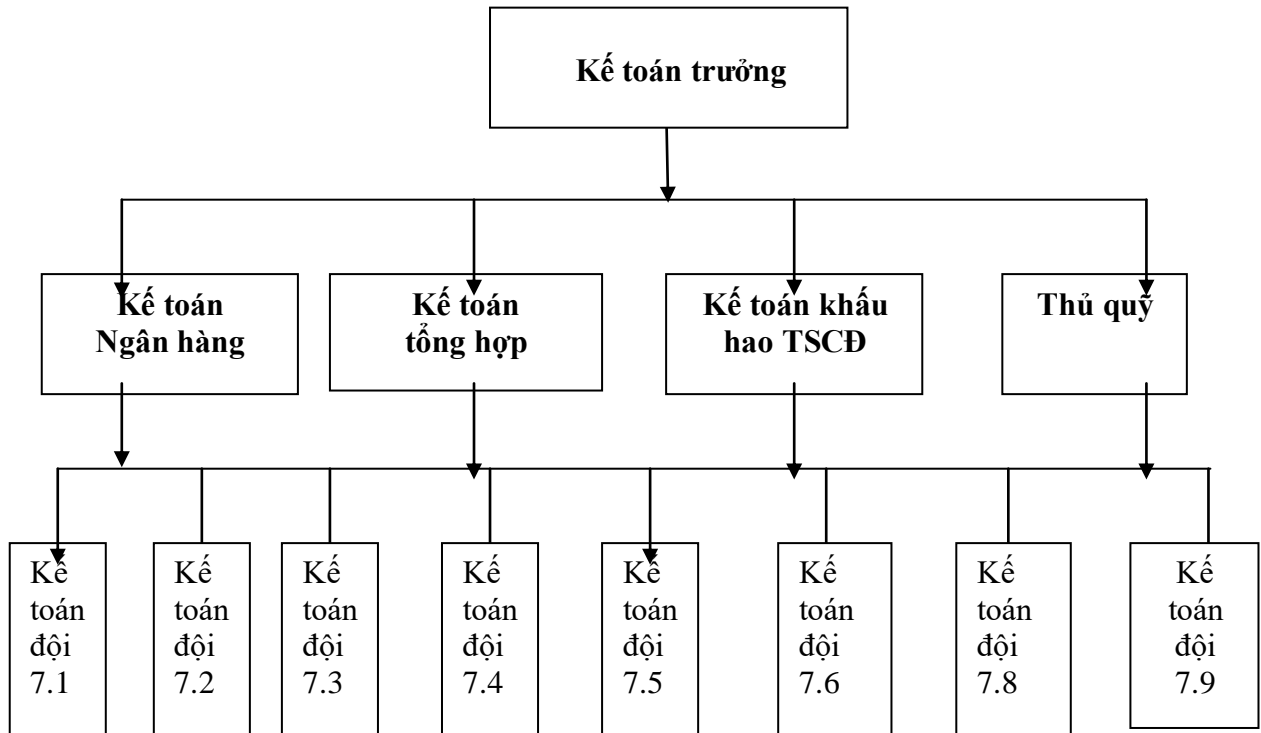
2.1.2. Thực tế tổ chức kế toán tại công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 7 là doanh nghiệp có quy mô lớn ở cấp xí nghiệp, địa bàn hoạt động trải rộng khắp cả nước. Để phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất, công ty đã

vận dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán nửa tập trung, nửa phân tán (mô hình hạch toán báo sổ). Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức thành Ban tài chính và nhân viên kế toán tại các Đội. Hàng tháng, kế toán đội tập hợp toàn bộ chứng từ giao nộp về Ban tài chính Xí nghiệp, kế toán Xí nghiệp có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ gốc, và tiến hành ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Duyên Hải - Xí nghiệp 7



- **Kế toán trưởng** (Kiêm trưởng phòng kế toán): Là người chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức có hiệu quả hoạt động kinh doanh, điều hành tổ chức kế toán trong phòng kế toán. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc và cấp trên về mọi hoạt động kế toán tài chính của xí nghiệp.

- **Kế toán tiền gửi ngân hàng huy động vốn**: Thực hiện quan hệ giao dịch với các ngân hàng như thu, chi tiền gửi ngân hàng, huy động vốn để đảm bảo cho hoạt động sản xuất diễn ra bình thường. Đồng thời theo dõi việc hoàn trả vốn.

- **Kế toán tổng hợp**: Thực hiện các công việc sau:

- + Xử lý các loại số liệu, tập hợp chi phí.
- + Đánh giá sản phẩm làm dở, tính giá thành sản phẩm.
- + Thực hiện kế toán vốn bằng tiền và kế toán quản lý doanh nghiệp.
- + Lập các báo cáo kế toán, báo cáo tài chính

- **Kế toán tài sản cố định và theo dõi tình hình công nợ:** Quản lý tình hình về TSCĐ của công ty như: Tình hình tăng, giảm TSCĐ; Tính khấu hao và lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ; Lập báo cáo về TSCĐ theo năm.

- **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm về quản lý quỹ tiền mặt, thu chi tiền mặt thông qua các phiếu thu, phiếu chi được duyệt.

.- **Kế toán đội:** Là người thường xuyên theo dõi và bám sát các công trình xây dựng, tập hợp các chứng từ ban đầu gửi về Phòng tài chính Xí nghiệp để làm căn cứ ghi sổ kế toán. Ngoài ra, công việc thường xuyên của kế toán đội là thực hiện việc thanh quyết toán với các nhân viên của đội.

2.1.2.2. Thực tế vận dụng chế độ kế toán tại công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

➤ **Chế độ, chính sách kế toán tại công ty**

- **Niên độ kế toán:** Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Việt Nam đồng

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Chế độ kế toán doanh nghiệp xây lắp theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

- **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Chứng từ ghi sổ

- **Phương pháp kế toán hàng tồn kho:**

+ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo giá gốc

+ Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho trong kỳ: Thực tế đích danh

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

- **Phương pháp kế toán tài sản cố định:**

+ Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo giá gốc

+ Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao tuyến tính

- **Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng:** Phương pháp khấu trừ

➤ **Hệ thống chứng từ kế toán**

Hiện nay công ty đang sử dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

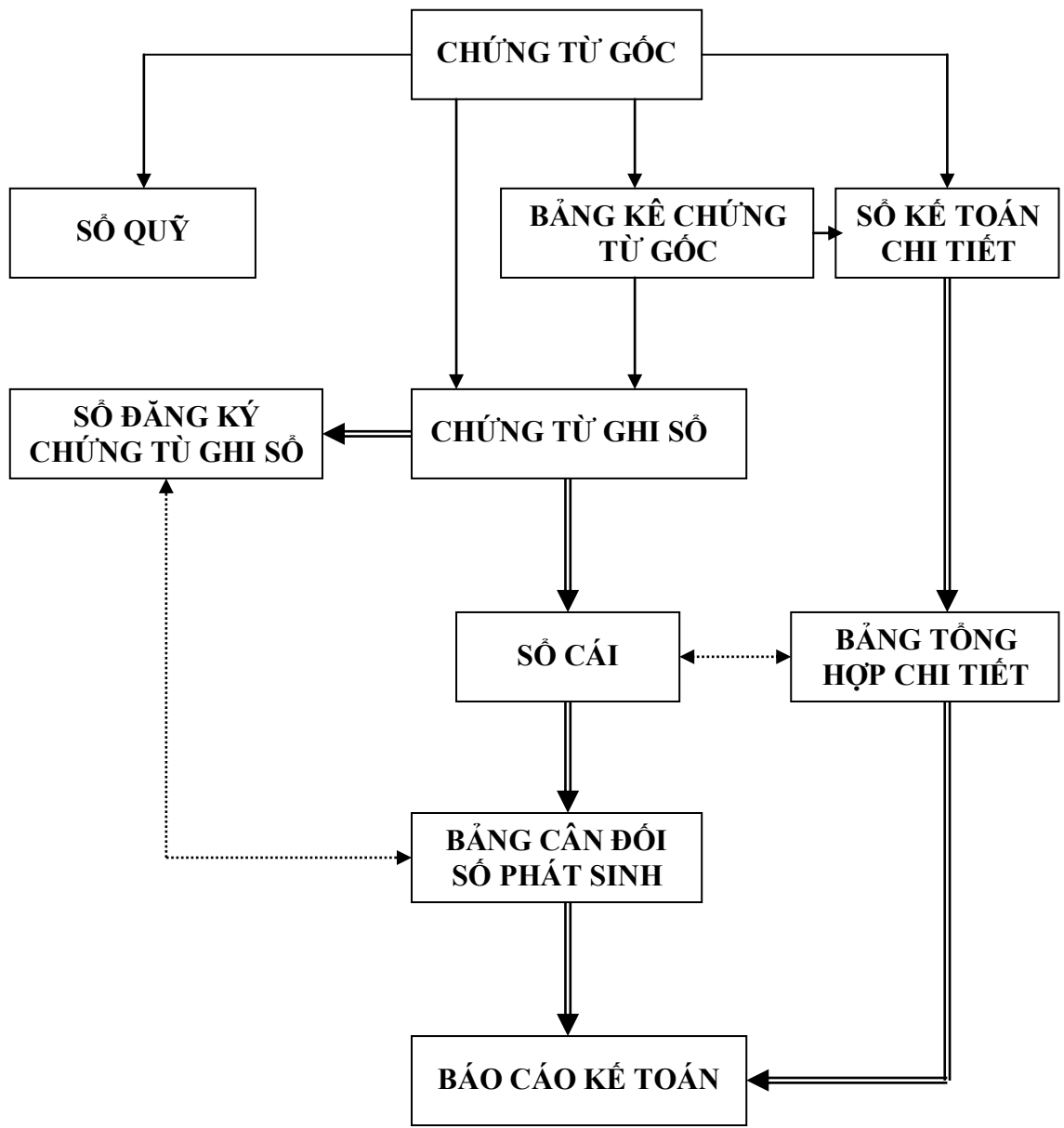
➤ **Hệ thống tài khoản kế toán**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

➤ **Hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng hệ thống sổ sách theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, bao gồm các sổ tổng hợp (Chứng từ ghi sổ; Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ; Sổ cái theo mẫu quy định của Bộ tài chính) và sổ, thẻ kế toán chi tiết theo hướng dẫn của Nhà nước và yêu cầu quản lý của công ty. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 như sau:

Sơ đồ 2.4. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty Duyên Hải - Xí nghiệp 7



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←.....> Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc Bảng tổng hợp chứng từ gốc đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên Sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh rồi ghim với tập chứng từ gốc và bảng kê, chứng từ ghi sổ đã lập để lưu tại công ty. Kế toán căn cứ vào các Sổ chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết rồi tiến hành lập Báo cáo kế toán.

➤ **Hệ thống báo cáo kế toán**

Công ty Duyên Hải – Xí nghiệp 7 áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước, bao gồm các báo cáo sau:

- + Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN).

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

2.2.1. Đặc điểm, phân loại, và công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu.

Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 là một doanh nghiệp Xây lắp nên ngoài những đặc điểm chung, nguyên vật liệu của Công ty còn có những đặc điểm riêng biệt đặc trưng của nguyên vật liệu ngành Xây lắp.

Thứ nhất, nguyên vật liệu của Công ty phong phú về chủng loại, đa dạng về quy cách: Sắt thép, tôn, đá, cát, sỏi, bê tông, xi măng, gỗ, gạch, vật liệu điện, vật liệu nước... Mỗi loại có đơn vị tính riêng. Ví dụ: Sắt thép được tính bằng kg, cây; gỗ tính bằng m³; gạch tính bằng viên; ống dẫn nước (vật liệu nước) tính bằng m; tôn tính bằng m²... Trong mỗi loại lại có nhiều chủng loại khác nhau như sắt thép có Thép tròn trơn Liên doanh D6, D8,..., Thép L đều cạnh SNG, Thép L đều cạnh 20x4x4, 40x4x4,..., Thép vuông 18, Thép vuông 50, Thép 1 ly, Thép 2 ly,..., Thép gai, thép ống,...

Thứ hai, nguyên vật liệu của Công ty có khối lượng lớn, chẳng hạn cát, xi măng, sắt thép,... có thể lên đến hàng nghìn tấn.

Thứ ba, chi phí nguyên vật liệu thường lớn đồng thời chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Đối với từng công trình hay hạng mục công trình xây lắp và xây dựng dân dụng, chi phí nguyên vật liệu vào khoảng 70% tổng chi phí phát sinh.

Thứ tư, nguyên vật liệu của Công ty phải vận chuyển đến từng công trình, một số loại thường để ngoài trời như cát, đá, sỏi,... nên chịu ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết và dễ mất mát, hư hỏng,... Ngoài ra, chi phí để vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho việc thi công các công trình cũng rất khác nhau, công trình ở xa khác công trình ở gần, công trình cao tầng cần chi phí nhiều hơn công trình thấp.

Xuất phát từ những đặc điểm trên nên quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để bảo đảm chất lượng các công trình, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho Công ty.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 rất đa dạng và phong phú về chủng loại. Để có thể quản lý một cách chặt chẽ nguyên vật liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán kế toán, nguyên vật liệu được phân loại dựa trên vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu đối với hoạt động xây lắp. Theo đặc trưng này, nguyên vật liệu được phân ra các loại sau đây:

Vật liệu chính: Là vật liệu cấu thành chủ yếu lên hình thái vật chất của sản phẩm xây lắp. Thuộc về vật liệu chính gồm hầu hết các loại vật liệu mà Công ty sử dụng như: Sắt thép, xi măng các loại, gỗ, vật liệu ngoài trời (gạch, cát, đá, sỏi,..), vật liệu điện, vật liệu nước,...

Vật kết cấu: Là những vật liệu đã qua chế biến, được hình thành từ vật liệu chính của Công ty, bao gồm kết cấu gỗ (khuôn cửa, cửa các loại), kết cấu bê tông (Panel PH các loại, cọc bê tông, ống cống bê tông các loại, cột điện các loại), kết cấu thép, kim loại, kính (cửa sắt các loại, cửa cuốn nhôm, cửa kính các loại).

Nhiên liệu: Là những vật liệu dùng để tạo ra nhiệt năng, phục vụ cho các loại xe, máy trong quá trình sản xuất. Nhiên liệu gồm xăng, dầu, mỡ các loại. Thực chất nhiên liệu là một loại vật liệu phụ nhưng được tách ra thành một loại riêng theo quy định chung.

Phụ tùng thay thế: Là loại vật tư được sử dụng cho hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định của Công ty, gồm nhiều loại như: xăm lốp ô tô, ghen, đèn,...

Vật liệu khác: Thực chất đây là những vật liệu phụ, có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất kinh doanh các công trình, sản phẩm của Công ty. Thuộc về vật liệu phụ gồm các vật liệu như: dây cước xây, dây thừng, dây chèo, dây đay, dây đai các loại, bao tải, bạt,...

Ngoài ra, tại Công ty còn có **Công cụ lao động nhỏ**. Đây là những công cụ được sử dụng thường xuyên cho quá trình thi công các công trình như: Mũi khoan, kìm, mỏ lết, ống cao su, thước dây, xô, cuốc, xẻng,...

Như vậy, cách thức phân loại nguyên vật liệu của Công ty mang đặc trưng của ngành xây lắp, có sự khác biệt so với các doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực khác.

2.2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay, Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 thực hiện khoán các công trình cho các Đội thi công trên cơ sở giá thành dự toán và giá thành kế hoạch của từng công trình. Công ty không trực tiếp mua nguyên vật liệu cung cấp cho từng công trình mà chỉ quản lý hoạt động thu mua và sử dụng nguyên vật liệu của các Đội trên cơ sở các chứng từ gốc mà các Đội tập hợp.

Công ty tiến hành lập sổ danh điểm nguyên vật liệu để phục vụ cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các Đội trong Công ty phải thực hiện nghiêm chỉnh báo cáo vật tư theo sổ danh điểm của Công ty. Hàng tháng, khi lên báo cáo tổng hợp vật tư, kế toán phải ghi thứ tự từng loại theo sổ danh điểm vật tư.

Công ty không xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu được các Đội mua nhập thẳng vào kho tại công trình.

2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.

2.2.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho.

Áp dụng chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho, các doanh nghiệp tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế. Giá thực tế của nguyên vật liệu là loại giá được hình thành trên cơ sở các chứng từ hợp lệ chứng minh các khoản chi hợp pháp của doanh nghiệp để tạo ra nguyên vật liệu. Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định tùy theo từng nguồn nhập. Thông thường có bốn nguồn nhập nguyên vật liệu chủ yếu, đó là: Nguyên vật liệu mua ngoài, nguyên vật liệu

gia công chế biến, nguyên vật liệu vay mượn, phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất.

Tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, hầu hết nguyên vật liệu nhập kho là từ nguồn mua ngoài, kế toán tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Chiết khấu TM,} \\ \text{tế NVL} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & - & \text{giảm giá} \\ \text{nhập kho} & & \text{hoá đơn} & & \text{(nếu có)} & & \text{hàng mua} \end{array}$$

Trong thực tế, các nguyên vật liệu mua ngoài của Công ty không phát sinh chi phí thu mua. Các nguyên vật liệu này đều được các nhà cung cấp giao tận kho công trình nên không phát sinh cước phí vận chuyển, chi phí bốc dỡ hay thuê kho bãi. Ngoài ra, vật liệu mua về cũng không có hiện tượng hao hụt. Như vậy, giá của các loại vật liệu mua ngoài nhập kho được tính bằng giá mua thực tế không thuế ghi trên hoá đơn (Phần thuế giá trị gia tăng đầu vào sẽ được khấu trừ).

Ví dụ: Ngày 24 tháng 09 năm 2016 Công ty mua vật liệu sau:

- Vải địa kỹ thuật, Số lượng 6.132 m², Đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 37.000đ/m²

Giá thực tế nhập kho của lô nguyên vật liệu trên:

$$\text{Vải địa kỹ thuật: } 6.132 \text{ m}^2 \quad \times \quad 37.000 = 226.884.000 \text{ đ}$$

$$\text{Tổng} \quad \quad \quad = 226.884.000 \text{ đ}$$

Nhập kho công trình Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh theo phiếu nhập kho số 118

2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho.

Tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, nguyên vật liệu được xuất kho theo phương pháp giá thực tế đích danh. Theo đó, khi xuất kho lô nguyên vật liệu nào thì tính theo giá nhập kho của lô nguyên vật liệu đó. Việc áp dụng phương pháp giá thực tế đích danh là phù hợp trong điều kiện Công ty không xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu, thi công công trình đến đâu thì mua nguyên vật liệu đến đó.

Ví dụ: Ngày 24 tháng 09 năm 2016, xuất vật liệu tại kho công trình Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh:

- Vải địa kỹ thuật, Số lượng 6.132 m²

Giá thực tế xuất kho được xác định như sau:

$$\text{Vải địa kỹ thuật: } 6.132 \text{ m}^2 \quad \times \quad 37.000 = 226.884.000 \text{ đ}$$

$$\text{Tổng} \quad \quad \quad = 226.884.000 \text{ đ}$$

Xuất kho công trình Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh theo phiếu xuất kho số 128

2.2.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.

2.2.3.1. Tổ chức chứng từ kế toán.

Tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xi nghiệp 7, chứng từ về nguyên vật liệu đều được lập bằng tay, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ được lập một lần, nếu lập thành nhiều liên chứng từ thì kẹp giấy than giữa các liên. Hàng quý, nhân viên kế toán của Đội tổng hợp các nghiệp vụ phát sinh rồi gửi lên phòng Kế toán tài vụ của Công ty. Kế toán vật tư kiểm tra mẫu chứng từ, việc ghi chép chứng từ, kiểm tra số liệu của các chứng từ kế toán, sau đó ghi sổ và bảo quản chứng từ theo từng tháng, từng quý, chi tiết cho từng Đội, từng công trình.

2.2.3.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

Công ty đã và đang áp dụng phương pháp ghi thẻ song song để hạch toán chi tiết vật tư. Mặc dù biết rằng phương pháp này nên áp dụng với những Công ty có ít danh điểm NVL (mà Công ty thì có tương đối nhiều danh điểm NVL). Nhưng vì theo phương pháp này, các khâu ghi chép, đối chiếu số liệu và phát hiện ra sai sót rất đơn giản, đồng thời nó cung cấp thông tin nhập, xuất, tồn kho của từng danh điểm kịp thời và chính xác.

➤ Tại kho:

Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép, hàng ngày căn cứ chứng từ nhập và xuất kho vật liệu thủ kho ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Sau mỗi nghiệp vụ nhập, xuất lại tính ra số tồn kho trên thẻ kho.

Mỗi chứng từ ghi vào thẻ kho một dòng.

Cuối mỗi ngày hoặc định kỳ thủ kho tiến hành phân loại chứng từ sau khi ghi vào thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán. Thủ kho luôn đối chiếu số tồn kho trên thẻ kho và thực tế tồn kho trong kho. Cuối tháng tiến hành khóa thẻ kho, xác định số tồn kho của từng loại vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán. Nếu có sai sót thì phải tìm nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời.

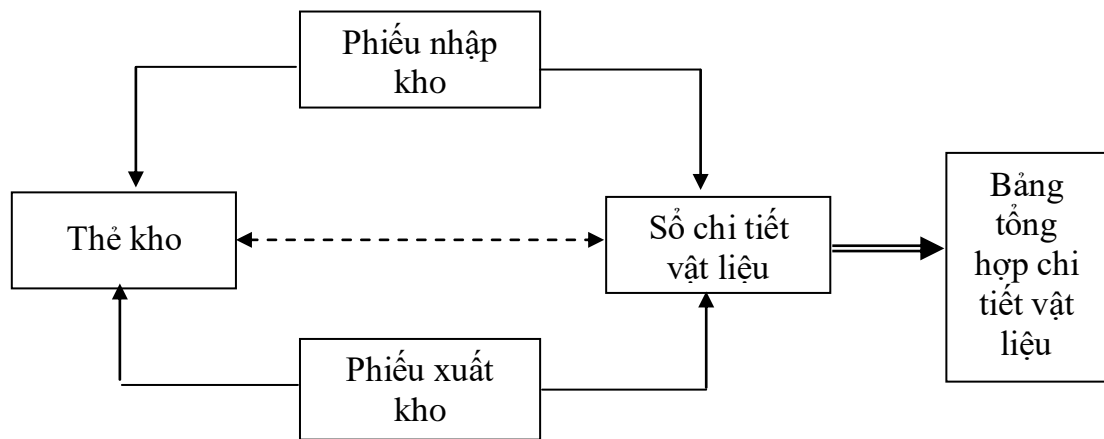
➤ Tại phòng kế toán:

Kế toán mở sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Sổ kế toán chi tiết vật liệu có nội dung giống thẻ kho nhưng chỉ khác là theo dõi cả giá trị và số lượng vật liệu.

Hàng ngày (hoặc định kỳ) khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho đưa lên, kế toán vật liệu phải kiểm tra chứng từ, đối chiếu các chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ có liên quan như: hóa đơn mua hàng, hợp đồng vận chuyển, ... Ghi đơn giá vào phiếu và tính thành tiền trên từng chứng từ.

Đến cuối kỳ kế toán cộng sổ hoặc thẻ chi tiết kế toán vật liệu, tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu. Số liệu này được đối chiếu với số liệu tồn kho trên thẻ kho do thủ kho giữ. Sau đó kế toán căn cứ sổ chi tiết vật liệu để nhập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn. Số liệu trên bảng nhập - xuất - tồn này được đối chiếu với số liệu của kế toán tổng hợp.

* *Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu như sau:*



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng (cuối quý)
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.5. Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Sau đây là trình tự luân chuyển một số chứng từ nguyên vật liệu:

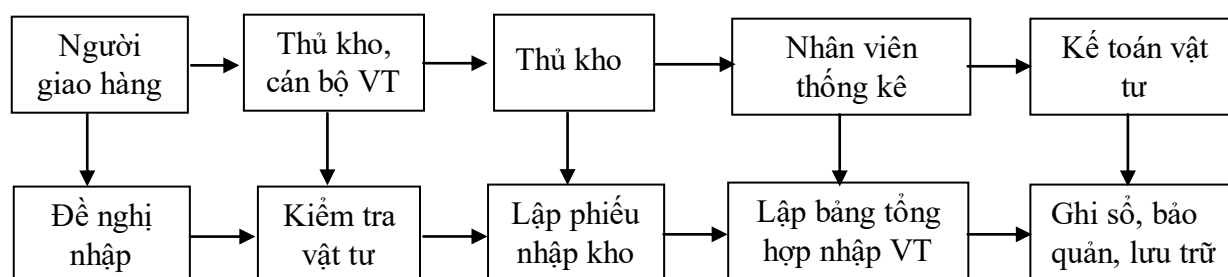
Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT):

Căn cứ vào dự toán chi phí về nguyên vật liệu, các Đội tiến hành mua nguyên vật liệu nhập tại kho công trình. Căn cứ vào hoá đơn bán hàng của người bán, thủ kho cùng với cán bộ phụ trách vật tư tại công trình kiểm tra quy cách phẩm chất, số lượng của số vật tư trước khi nhập kho. Nếu vật tư không đủ tiêu

chuẩn nhập kho thì phải thoả thuận lại với người bán. Nếu vật tư đủ tiêu chuẩn nhập kho, thủ kho viết phiếu nhập kho, ghi số thực nhập, cùng với người giao hàng và cán bộ phụ trách vật tư ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, liên 1 lưu cuống phiếu, liên 2 cán bộ phụ trách vật tư giao cho nhân viên kế toán của Đội để chuyển về Phòng Kế toán tài vụ của Công ty, liên 3 giao cho người giao hàng.

Trình tự luân chuyển của phiếu nhập kho được khái quát như sau:

Sơ đồ 2.6: Trình tự luân chuyển phiếu nhập kho




Ví dụ minh họa:

Trong tháng 9/2016 có nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu phục vụ xây dựng công trình sau:

Ví dụ 1: Theo hóa đơn GTGT số 0000272 ngày 24/9/2016. Đồng chí Nguyễn Hồng An – Đội xây dựng 72 mua vật tư của Công ty cổ phần thương mại Mạnh Hùng để thi công xây dựng công trình Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh, đơn vị chưa trả tiền, giá chưa có thuế GTGT 226.884.000đ, thuế GTGT 10%: 22.688.400đ. Tổng giá thanh toán 249.572.400đ. Vật liệu đã được kiểm nghiệm và nhập kho đủ theo PNK số 118.

Biểu số 2.1. Trích Hóa đơn số 0000272



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 24 tháng 9 năm 2016.

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/15P
Số: **0000272**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠNH HÙNG**
 Mã số thuế: **0200675313**
 Địa chỉ: **Số 670 Trường Chinh, Phường Quán Trữ, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng**
 Điện thoại: **0313.877345**
 Số tài khoản: _____

Họ tên người mua hàng: *Nguyễn Hồng An.*
 Tên đơn vị: *Biển đảo công ty TNHH Mít Bảnh Viên Duyên Hải - xí nghiệp 7*
 Mã số thuế: *0005753635-001*
 Địa chỉ: *Số 230 Phố Lê Duẩn - p. Bàu Sơn - q. Kiến An - TP. Hải Phòng*
 Hình thức thanh toán: *chuyển khoản* Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
N	<i>Vai địa lý Thớt</i>	<i>M2</i>	<i>6.132.</i>	<i>37.100.</i>	<i>226.884.000</i>
Cộng tiền hàng:					<i>226.884.000</i>
Thuế suất GTGT: <i>10%</i> , Tiền thuế GTGT:					<i>22.688.400</i>
Tổng cộng tiền thanh toán:					<i>249.572.400</i>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm đồng</i>					

In tại Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Km 10 đường Phạm Văn Đồng, HP - ĐT (0313) 745 099 - MST: 0300124348
(Văn phòng giao dịch: 50 Đinh Tiên Hoàng, Hải Phòng)

Biểu số 2.2. Trích phiếu nhập kho PNK 118

CTY TNHH MTV DUỖYÊN HẢI - XÍ NGHIỆP 7
ĐỘI XÂY DỰNG 72

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO
 Ngày 24 tháng 09 năm 2016
 SỐ: 118

Nợ: 152
 Có: 331

Họ và tên người giao hàng: Đ/c Nguyễn Hồng An - Đội xây dựng 72 - Xí nghiệp 7
 Theo hoá đơn số 0000272 ngày 24/9/2016 của Công ty Cổ phần thương mại Mạnh Hùng
 Xây dựng công trình: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh
 Nhập tại kho công trình: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

SỐ TT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUI CÁCH PHẨM CHẤT VẬT TƯ, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÃNG HOÀ	MÃ SỐ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				THEO CTỬ	THỰC NHẬP		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải địa kỹ thuật		m2		6.132,0	37.000	226.884.000
Tổng cộng							226.884.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (Hai trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm tám tư ngàn đồng chẵn ./.)
 Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 24 tháng 09 năm 2016

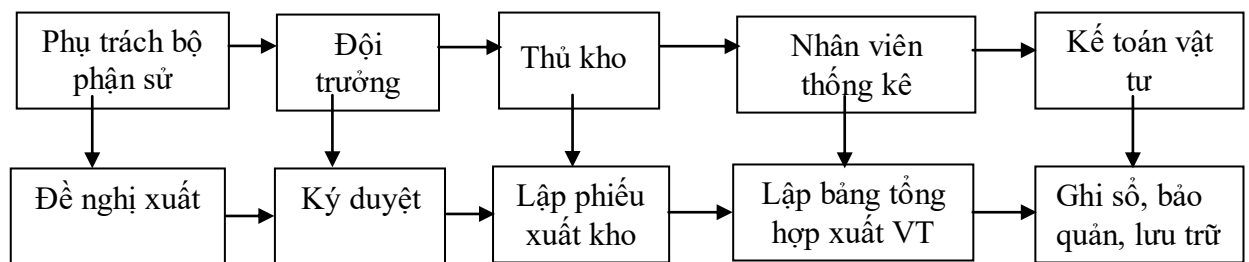
Kế toán (Ký, họ tên)	Người giao (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Đội trưởng (Ký, họ tên)
--------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------	-----------------------------------

Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT):

Thực tế, tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7, xuất kho nguyên vật liệu là xuất cho thi công các công trình. Căn cứ vào nhu cầu vật tư của từng công trình trong từng giai đoạn cụ thể, chủ nhiệm công trình đề nghị xuất vật tư. Được sự đồng ý của Đội trưởng, thủ kho viết phiếu xuất kho, kiểm tra số lượng, ghi số thực xuất rồi cùng với người nhận và phụ trách bộ phận sử dụng ký vào phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên, liên 1 lưu củng phiếu, liên 2 cán bộ vật tư giao cho kế toán của Đội để chuyển về phòng Kế toán tài vụ của Công ty, liên 3 giao cho người nhận vật tư. Phiếu xuất kho có thể lập chung cho nhiều nguyên vật liệu nhưng phải cùng kho và sử dụng cho cùng một công trình.

Trình tự luân chuyển của phiếu xuất kho được khái quát như sau:

Sơ đồ 2.7: Trình tự luân chuyển phiếu xuất kho

Ví dụ minh họa:

Trong tháng 9/2016 có nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu phục vụ xây dựng công trình sau:

Ví dụ 2: Ngày 24 tháng 9 năm 2016, Đội xây dựng 72 xuất vật tư phục vụ công trình Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh theo P XK số 128. Tổng giá trị xuất là: 226.884.000 đ.

Biểu số 2.3. Trích phiếu xuất kho P XK 128

CTY TNHH MTV DUYÊN HẢI - XÍ NGHIỆP 7
ĐỘI XÂY DỰNG 72

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày 24 tháng 09 năm 2016
 SỐ: 128

Nợ: 621
 Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Đ/c Trần Văn Thùy
 Địa chỉ: Đội xây dựng 72 - Xí nghiệp 7
 Lý do xuất: Xây dựng Hội trường và nhà chi huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh
 Xuất tại kho: Hội trường và nhà chi huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

SỐ TT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUI CÁCH PHẨM CHẤT VẬT TƯ, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ	MÃ SỐ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				THEO CTƯ	THỰC NHẬP		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải địa kỹ thuật		m2		6.132,0	37.000	226.884.000
Tổng cộng							226.884.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (Hai trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm tám tư ngàn đồng chẵn ./.)
 Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 24 tháng 09 năm 2016

Kế toán
(Ký, họ tên)
Người nhận
(Ký, họ tên)
Thủ kho
(Ký, họ tên)
Đội trưởng
(Ký, họ tên)

Thẻ kho

Thẻ kho do kế toán của Đội lập rồi chuyển cho thủ kho để ghi chép hàng ngày. Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất, thủ kho ghi số lượng nhập, xuất vào thẻ kho. Thẻ kho được mở để theo dõi ghi chép vật tư riêng cho từng công trình, mỗi thẻ kho theo dõi một loại vật tư, cuối ngày tính ra số tồn kho. Cuối tháng, nhân viên kế toán của Đội xuống kho nhận chứng từ, kiểm tra việc ghi thẻ kho của thủ kho và ký xác nhận vào thẻ kho.

Biểu số 2.4. Trích thẻ kho

CTY TNHH MTV DUYÊN HẢI - XÍ NGHIỆP 7

ĐỘI XÂY DỰNG 72**THẺ KHO**

Kho công trình: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

Tên vật tư: Vải địa kỹ thuật

Đơn vị tính: M2

Từ ngày 01/09/2016 đến ngày 30/09/2016

TT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	SH	NT			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng					
...	
3	118	24/09/16	Nhập - Mạnh Hùng	24/09/16	6.132,0		6.132,0	
4	128	24/09/16	Xuất - HT Lữ 229	24/09/16		6.132,0	-	
5	119	26/09/16	Nhập - Mạnh Hùng	26/09/16	1.500,0		1.500,0	
6	129	26/09/16	Xuất - HT Lữ 229	26/09/16		1.500,0	-	
...	
			Cộng		8.500,0	8.500,0		
			Dư cuối tháng				-	

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Ngoài ra, còn một số chứng từ như Biên bản kiểm nghiệm vật tư, Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ, Biên bản kiểm kê vật tư, Công ty không sử dụng. Bởi thực tế, Công ty không dự trữ nguyên vật liệu trong kho, dùng đến đâu thì mua đến đó. Do vậy, thời gian nguyên vật liệu tồn kho là rất ngắn và Công ty không tiến hành kiểm kê. Đối với Biên bản kiểm nghiệm vật tư, do đặc điểm của nguyên vật liệu không phải là những nguyên vật liệu quý hiếm nên để đơn giản Công ty chỉ cử cán bộ vật tư kiểm tra số lượng và quy cách phẩm chất của vật tư trước khi nhập kho mà không lập thành Biên bản.

- Với các Hóa đơn mua vật liệu khác, kế toán làm tương tự:

Ví dụ 3: Theo hóa đơn GTGT số 0000571 ngày 30/9/2016. Đồng chí Nguyễn Hồng An – Đội xây dựng 72 mua vật tư của Công ty cổ phần Tâm Anh Linh để thi công xây dựng công trình Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh, đơn vị đã thanh toán trả người bán bằng chuyển khoản, giá chưa có thuế GTGT 210.623.000 đ, thuế GTGT 10%: 21.062.300đ. Tổng giá thanh toán 231.685.300đ. Vật liệu đã được kiểm nghiệm và nhập kho đủ theo PNK số 125.

Biểu số 2.5. Trích Hóa đơn số 0000571

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AL/12P
Số: 0000571

Liên 2: Giao cho người mua
Ngày 30 Tháng 9 Năm 2016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM ANH LINH**
 Mã số thuế: 0800965977
 Địa chỉ: Khu đô thị Trường Linh, Phường Cộng Hoà, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương
 Điện thoại: 097 683 9999
 Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng An
 Tên đơn vị: Chủ hành Công ty TNHH Một thành Viên Duyên Hải - Xi Nghiệp 7
 Mã số thuế: 0105753635001
 Địa chỉ: Số 238 Lê Duẩn, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An - TP. Hải Phòng
 Hình thức thanh toán: C. Chuyển Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Gạch 2 lỗ	Viên	31.700	850	26.945.000
2	Gạch Chiết	Viên	29.560	1.300	38.428.000
3	Cát Xây	m ³	355	150.000	53.250.000
4	Đá 1x2	m ³	40	230.000	9.200.000
5	Xi măng PCB 30	tấn	60	1.380.000	82.800.000
Cộng tiền hàng: 210.623.000					
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 21.062.300
Tổng cộng tiền thanh toán: 231.685.300					

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi mốt triệu .. ngàn .. trăm .. mươi .. năm .. nghìn .. ba .. trăm .. đồng ..


Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hồng An

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phan Thị Hiền

Thu trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐQT
Hoàng Công Thành

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty Cổ phần In Số Tâm - Số 60 Đường 49, P. Bình Thuận, Q.7, TP.HCM - ĐT: 08. 54332712 - Mã Số Thuế: 0305575517

Biểu số 2.6. Trích phiếu nhập kho PNK 125

CTY TNHH MTV DUYÊN HẢI - XÍ NGHIỆP 7
ĐỘI XÂY DỰNG 72

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Ng: 152
Có: 331

Họ và tên người giao hàng: Đ/c Nguyễn Hồng An - Đội xây dựng 72 - Xí nghiệp 7
Theo hoá đơn số 0000571 ngày 30/9/2016 của Công ty Cổ phần Tâm Anh Linh
Xây dựng công trình: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh
Nhập tại kho công trình: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

SỐ TT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUI CÁCH PHẨM CHẤT VẬT TƯ, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÃNG HOÁ	MÃ SỐ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				THEO CTƯ	THỰC NHẬP		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch 2 lỗ		viên		31.700,0	850	26.945.000
2	Gạch chi đặc		viên		29.560,0	1.300	38.428.000
3	Cát xây		m3		355,0	150.000	53.250.000
4	Đá 1x2		m3		40,0	230.000	9.200.000
5	Xi măng PC30		tấn		60,0	1.380.000	82.800.000
	Tổng cộng						210.623.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (Hai trăm mười triệu, sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng chẵn ./.)
Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Kế toán (Ký, họ tên)	Người giao (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Đội trưởng (Ký, họ tên)
--------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------	-----------------------------------

Ví dụ 4: Ngày 30 tháng 9 năm 2016, Đội xây dựng 72 xuất vật tư phục vụ công trình Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh theo P XK số 135. Tổng giá trị xuất là: 210.623.000 đ.

Biểu số 2.7. Trích phiếu xuất kho P XK 135

CTY TNHH MTV DUYÊN HẢI - XÍ NGHIỆP 7
ĐỘI XÂY DỰNG 72

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 30 tháng 09 năm 2016
Số: 135

Nợ: 621
Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Đ/c Trần Văn Thùy
Địa chỉ: Đội xây dựng 72 - Xí nghiệp 7
Lý do xuất: Xây dựng Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh
Xuất tại kho: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

SỐ TT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUI CÁCH PHÁP CHẤT VẬT TƯ, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÃNG HOÁ	MÃ SỐ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				THEO CTƯ	THỰC NHẬP		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch 2 lỗ		viên		31.700,0	850	26.945.000
2	Gạch chỉ đặc		viên		29.560,0	1.300	38.428.000
3	Cát xây		m3		355,0	150.000	53.250.000
4	Đá 1x2		m3		40,0	230.000	9.200.000
5	Xỉ măng PC30		tấn		60,0	1.380.000	82.800.000
Tổng cộng							210.623.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (Hai trăm mười triệu, sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng chẵn ./.)
Số chứng từ gốc kèm theo:

Kế toán
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Đội trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Biểu số 2.8. Trích thẻ kho

CTY TNHH MTV DUYÊN HẢI - XÍ NGHIỆP 7

ĐỘI XÂY DỰNG 72

THẺ KHO

Kho công trình: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

Tên vật tư: Xi măng PC30

Đơn vị tính: Kg

Từ ngày 01/09/2016 đến ngày 30/09/2016

TT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	SH	NT			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng					
1	112	06/09/16	Nhập - Mạnh Hùng	06/09/16	20.000,0		20.000,0	
2	116	06/09/16	Xuất - HT Lữ 229	06/09/16		20.000,0	-	
3	119	25/09/16	Nhập - Mạnh Hùng	25/09/16	25.000,0		25.000,0	
4	125	25/09/16	Xuất - HT Lữ 229	25/09/16		25.000,0	-	
5	123	28/09/16	Nhập - Tâm Anh Linh	28/09/16	45.000,0		45.000,0	
6	131	28/09/16	Xuất - HT Lữ 229	28/09/16		45.000,0	-	
7	125	30/09/16	Nhập - Tâm Anh Linh	30/09/16	60.000,0		60.000,0	
8	135	30/09/16	Xuất - HT Lữ 229	30/09/16		60.000,0	-	
			Cộng		150.000,0	150.000,0		
			Dư cuối tháng				-	

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Biểu số 2.9. Trích thẻ kho

CTY TNHH MTV DUYÊN HẢI - XÍ NGHIỆP 7

ĐỘI XÂY DỰNG 72**THẺ KHO**

Kho công trình: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

Tên vật tư: Gạch chỉ đặc

Đơn vị tính: Viên

Từ ngày 01/09/2016 đến ngày 30/09/2016

TT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	SH	NT			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng					
1	110	05/09/16	Nhập - Tâm Anh Linh	05/09/16	15.000,0		15.000,0	
2	115	05/09/16	Xuất - HT Lữ 229	05/09/16		15.000,0	-	
3	113	10/09/16	Nhập - Tâm Anh Linh	10/09/16	22.000,0		22.000,0	
4	118	10/09/16	Xuất - HT Lữ 229	10/09/16		22.000,0	-	
5	115	15/09/16	Nhập - Tâm Anh Linh	15/09/16	26.500,0		26.500,0	
6	120	15/09/16	Xuất - HT Lữ 229	15/09/16		26.500,0	-	
7	116	20/09/16	Nhập - Tâm Anh Linh	20/09/16	30.000,0		30.000,0	
8	123	20/09/16	Xuất - HT Lữ 229	20/09/16		30.000,0	-	
9	122	28/09/16	Nhập - Tâm Anh Linh	28/09/16	15.000,0		15.000,0	
10	130	28/09/16	Xuất - HT Lữ 229	28/09/16		15.000,0	-	
11	125	30/09/16	Nhập - Tâm Anh Linh	30/09/16	29.560,0		29.560,0	
12	135	30/09/16	Xuất - HT Lữ 229	30/09/16		29.560,0	-	
			Cộng		138.060,0	138.060,0		
			Dư cuối tháng				-	

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Biểu số 2.10. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 9/2016

Tài khoản: 152

Tên kho: CT Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Vải địa kỹ thuật

Đơn vị tính: m²

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	I	2	3=I×2	4	5=I×4	6	7=I×6	8
		Số dư đầu kỳ									
		Số phát sinh									
...	
PNK 118	24/9/2016	Đ/c An nhập kho XDCT	331	37.000	6.132,0	226.884.000					
PXK 128	24/9/2016	Đ/c Thùỵ nhận thi công CT	621	37.000			6.132,0	226.884.000			
PNK 119	26/9/2016	Đ/c An nhập kho XDCT	331	37.000	1.500,0	55.500.000					
PXK 129	26/9/2016	Đ/c Thùỵ nhận thi công CT	621	37.000			1.500,0	55.500.000			
...	
	30/09/2016	Đơn giá bình quân xuất kho		37.000							
		Tổng cộng	×	×	8.500,0	314.500.000	8.500,0	314.500.000			
		Số dư cuối kỳ								...	

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Biểu số 2.11. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 9/2016

Tài khoản: 152

Tên kho: CT Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Xi măng PC30

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	I	2	3=1×2	4	5=1×4	6	7=1×6	8
		Số dư đầu kỳ									
		Số phát sinh									
...	
PNK 123	28/9/2016	Đ/c An nhập kho XDCT	331	1.380	45.000,0	62.100.000					
PXK 131	28/9/2016	Đ/c Thù nhận thi công CT	621	1.380			45.000,0	62.100.000			
PNK 125	30/9/2016	Đ/c An nhập kho XDCT	331	1.380	60.000,0	82.800.000					
PXK 135	30/9/2016	Đ/c Thù nhận thi công CT	621	1.380			60.000,0	82.800.000			
...	
	30/9/2016	Đơn giá bình quân xuất kho		1.380							
		Tổng cộng	×	×	150.000,0	207.000.000	150.000,0	207.000.000			
		Số dư cuối kỳ								...	

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Biểu số 2.12. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 9/2016

Tài khoản: 152

Tên kho: CT Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Gạch chỉ đặc

Đơn vị tính: Viên

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	I	2	3=1×2	4	5=1×4	6	7=1×6	8
		Số dư đầu kỳ									
		Số phát sinh									
...	
PNK 122	28/9/2016	Đ/c An nhập kho XDCT	331	1.300	15.000,0	19.500.000					
PXK 130	28/9/2016	Đ/c Thù nhận thi công CT	621	1.300			15.000,0	19.500.000			
PNK 125	30/9/2016	Đ/c An nhập kho XDCT	331	1.300	29.560,0	38.428000					
PXK 135	30/9/2016	Đ/c Thù nhận thi công CT	621	1.300			29.560,0	38.428000			
...	
	30/9/2016	Đơn giá bình quân xuất kho		1.300							
		Tổng cộng	×	×	138.060,0	248.508.000	138.060,0	248.508.000			
		Số dư cuối kỳ								...	

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Biểu số 2.13. Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S11-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: 152

Tháng 9 năm 2016

Công trình: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	ĐG	TT
...			
20	Vải địa kỹ thuật	M2			8.500,0	314.500.000	8.500,0	314.500.000			
21	Cát xây	M3			850,0	127.500.000	850,0	127.500.000			
22	Đá 1x2	M3			250,0	57.500.000	250,0	57.500.000			
23	Xi măng PC30	Kg			150.000,0	207.000.000	150.000,0	207.000.000			
24	Thép tròn D14	Kg			7.500,0	105.000.000	7.500,0	105.000.000			
25	Gạch chỉ 6,5x10,5x22	Viên			138.060,0	248.508.000	138.060,0	248.508.000			
...			
	Cộng					15.589.605.720		15.589.605.720			

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7

2.2.4. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty.

2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
 - Phiếu xuất kho (Mẫu 02- VT)
 - Biên bản kiểm kê vật tư
 - Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01/GTKT- 3LL)
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tài khoản sử dụng là **Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu**. Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng, giảm nguyên vật liệu của công ty theo giá thực tế. Vì vậy, giá trị của nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

Là một doanh nghiệp xây lắp, Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu là hoàn toàn hợp lý. Nhờ phương pháp này, kế toán nắm bắt được tình hình biến động của nguyên vật liệu một cách nhanh chóng, chính xác, từ đó, phục vụ đắc lực cho các quyết sách của ban lãnh đạo Công ty. Đây cũng là quy định bắt buộc với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp hiện nay.

2.2.4.3. Hạch toán nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu.

Căn cứ vào chứng từ hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho vật tư,... kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ gốc, chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ được lập vào cuối mỗi tháng. Từ các chứng từ ghi sổ, kế toán lên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào Sổ cái TK 152.

Tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7, nguyên vật liệu nhập kho chủ yếu là do mua ngoài và được hạch toán theo hai trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp Đội mua hàng thanh toán chậm:
Nợ TK 152: Giá thực tế nhập kho của nguyên vật liệu
Nợ TK 133: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
Có TK 331: Tổng giá thanh toán

- Trường hợp Xí nghiệp mua hàng thanh toán ngay bằng tiền tạm ứng của Công ty:

Nợ TK 152: Giá thực tế nhập kho của nguyên vật liệu

Nợ TK 133: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 141: Tổng giá thanh toán

Trong quá trình thu mua, không phát sinh chi phí thu mua do nguyên vật liệu được người bán giao tại kho công trình nên không có định khoản phản ánh chi phí thu mua.

2.2.4.4. Hạch toán nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu.

Căn cứ vào chứng từ phiếu xuất kho vật tư,... kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ gốc, chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ được lập vào cuối mỗi tháng. Từ các chứng từ ghi sổ, kế toán lên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào Sổ cái TK 152.

Tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7, nguyên vật liệu xuất kho phục vụ thi công xây dựng công trình được hạch toán theo các trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho việc thi công xây dựng các công trình:

Nợ TK 621: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

- Trường hợp xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

2.2.4.5. Hạch toán kết quả kiểm kê nguyên vật liệu.

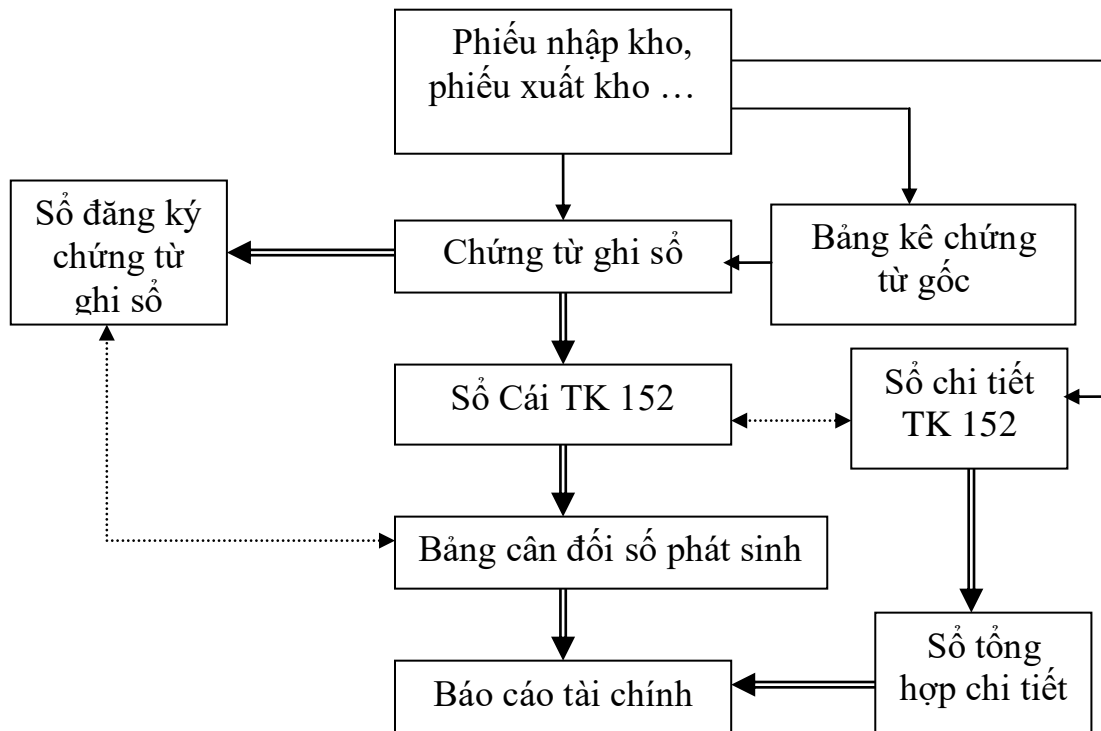
Tại Công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7, nguyên vật liệu được mua và nhập thẳng đến kho tại công trình, thường là dùng đến đâu mua đến đó nên thời gian lưu kho của nguyên vật liệu là rất ngắn. Do đó, Công ty không tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu

2.2.4.6. Hạch toán đánh giá lại nguyên vật liệu.

Cũng vì Công ty không dự trữ nguyên vật liệu trong kho nên Công ty cũng không tiến hành đánh giá lại nguyên vật liệu.

2.2.4.7. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH MTV Duyên Hải – Xí nghiệp 7 được mô tả như sau:

Sơ đồ 2.8.: Sơ đồ quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu

Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

* Quy trình luân chuyển chứng từ:

Hàng ngày căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,... mà kế toán đối chuyển lên kế toán tổng hợp lập Bảng kê chứng từ ghi có TK 152.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ ghi có TK 152 kế toán tổng hợp lập Chứng từ ghi sổ

Căn cứ vào bảng kê chứng từ ghi có TK 152 cuối tháng kế toán tổng hợp ghi vào Sổ chi tiết TK 152.

Đến cuối tháng, căn cứ vào chứng từ ghi sổ, kế toán tổng hợp ghi vào Sổ cái TK 152.

- Cuối quý, tổng hợp số liệu từ các sổ cái để vào bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh tổng hợp số liệu để lập các báo cáo tài chính.

Biểu số 2.14. Bảng kê chứng từ ghi có TK 331

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 331

Tháng 9 năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 331	Ghi nợ tài khoản		
Số	Ngày			TK 133	TK 152
...
0000272	24/9/16	Mua vật tư của Công ty CP thương mại Mạnh Hùng - thi công XDCT Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	249.572.400	22.688.400	226.884.000	
0000490	25/9/16	Mua vật tư của Công ty TNHH xây dựng và TM An Thịnh Phát thi công XDCT Doanh trại D2/Lữ 405/QK3	552.428.800	50.220.800	502.208.000	
0000571	30/9/16	Mua vật tư của Công ty cổ phần Tâm Anh linh - thi công XDCT Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	231.685.300	21.062.300	210.623.000	
...
Cộng			20.481.395.250	2.316.490.477	15.589.605.720	...

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15. Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Số: 256**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Tháng 9 năm 2016**

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua vật tư xây dựng công trình	152	331	15.589.605.720	
Thuế VAT đầu vào	133	331	2.316.490.477	
.....	
Cộng			20.481.395.250	

Kèm theo ...Chứng từ gốc và 01 bảng kê chứng từ ghi có TK 331.

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16. Bảng kê chứng từ ghi có TK 152

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 152

Tháng 9 năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 152	Ghi nợ tài khoản 621			
Số	Ngày			CT: Hội trường và nhà chỉ huy/Lữ đoàn 229/Bộ tư lệnh Công binh	CT: Doanh trại D2/Lữ 405/QK3	CT: Bộ chỉ huy quân sự Hải Dương
...
...
128	24/09/16	Xuất vật tư xây dựng công trình	226.884.000	226.884.000			
129	25/09/16	Xuất vật tư xây dựng công trình	502.208.000		502.208.000		
130	26/09/16	Xuất vật tư xây dựng công trình	235.000.000			235.000.000	
135	30/09/16	Xuất vật tư xây dựng công trình	210.623.000	210.623.000
...
...
		Cộng	15.589.605.720	3.421.383.000	2.650.468.455	2.250.689.254

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17. Chứng từ ghi sổ

**CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số S02a-DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

Số: 257

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 9 năm 2016

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất vật tư xây dựng công trình	621	152	15.589.605.720	
Cộng			15.589.605.720	

Kèm theo ...Chứng từ gốc và 01 bảng kê chứng từ ghi có TK 152.

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18. Trích sổ cái TK 152

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 152 – Nguyên liệu, vật liệu

(Trích dẫn)

Tháng 9 năm 2016

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng		-	
		Số phát sinh			
256	30/9/16	Mua vật tư xây dựng công trình	331	15.589.605.720	
257	30/9/16	Xuất vật tư xây dựng công trình	621		15.589.605.720
		Cộng phát sinh		15.589.605.720	15.589.605.720
		Số dư cuối tháng		-	

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19. Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Tháng 9 năm 2016

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
.....
.....
256	30/9/2016	20.481.395.250			
257	30/9/2016	15.589.605.720			
.....
.....
.....
Cộng phát sinh	

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUYÊN HẢI – XÍ NGHIỆP 7

3.1. Nhận xét chung về tổ chức kế toán NVL tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

3.1.1. Những kết quả đạt được

- Kế toán vật tư mở sổ sách đầy đủ theo dõi tình hình biến động của từng loại vật tư về cả số lượng lẫn chất lượng, giá trị. Các chứng từ sổ sách có liên quan đến NVL được lưu giữ hợp lý nên rất dễ kiểm tra và bảo quản. Cuối kỳ kế toán kiểm tra đối chiếu sổ sách thủ kho nhằm tìm ra sai sót để kịp thời sửa chữa và khắc phục.

- Việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tiến hành chính xác trung thực, hợp lý, hợp lệ, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc chế độ kế toán của Nhà nước và của Công ty ban hành. Công ty sử dụng các chứng từ theo đúng biểu mẫu quy định của Bộ tài chính.

- Hệ thống tài khoản sử dụng tại Công ty được chi tiết theo từng đối tượng sử dụng, từng Đối xây dựng để tiện cho việc theo dõi theo từng tài khoản, từng đối tượng sử dụng.

- Công ty sử dụng phương pháp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Nó đáp ứng được yêu cầu về việc theo dõi tình hình tăng giảm NVL ở bất cứ thời điểm nào, phù hợp với yêu cầu của một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

- Tại Công ty, nguyên vật liệu được xuất theo phương pháp giá thực tế đích danh. Theo đó, khi xuất kho lô nguyên vật liệu nào thì tính theo giá nhập kho của lô nguyên vật liệu đó. Việc áp dụng phương pháp giá thực tế đích danh là phù hợp trong điều kiện Công ty không xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu, thi công công trình đến đâu thì mua nguyên vật liệu đến đó.

- Về hình thức kế toán áp dụng, Công ty áp dụng theo hình thức “Chứng từ ghi sổ” và hệ thống tài khoản hiện hành của Bộ tài chính. Do vậy việc theo dõi sự biến động của vật tư rất thuận lợi. Trong việc hạch toán chi tiết, công ty áp dụng phương pháp thẻ song song giúp cho việc hạch toán được chính xác và đầy đủ.

3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục

- Việc nhập kho NVL trong một số trường hợp có thể tiết kiệm được, Công ty nên tận dụng, hạn chế việc nhập kho mà nên xuất thẳng, như thế sẽ tiết kiệm được khoản chi phí vận chuyển và bốc dỡ nhiều lần.

- Bên cạnh đó việc bảo quản vật liệu không phải là dễ, một số NVL không để được ở ngoài trời, có những loại vật liệu mua về phải dùng ngay, bảo quản tốt, không được để quá thời hạn cho phép, nếu không sẽ kém chất lượng hư hỏng.

- Trong công tác kế toán NVL Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 sử dụng phương pháp ghi thẻ song song, phương pháp này ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu nhưng việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán lại trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Mặt khác do việc kiểm tra đối chiếu chỉ tiến hành vào cuối tháng nên đã hạn chế chức năng kiểm tra của công tác kế toán.

- Đối với việc phế liệu thu hồi không được nhập kho và theo dõi trên bất cứ sổ sách nào, chính vì vậy công ty phải thực hiện nhập kho phế liệu thu hồi, đảm bảo yêu cầu về chất lượng khi sử dụng vào sản xuất, tránh tình trạng hư hỏng, mất mát xảy ra.

3.2. Định hướng phát triển của Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh trong ngành xây dựng. Trong suốt quá trình từ khi thành lập đến nay, Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 luôn có hướng phát triển tốt, mặc dù đã phải trải qua rất nhiều giai đoạn khó khăn và phức tạp về nhiều mặt, nhất là từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Trong nhiệm vụ SXKD ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 luôn quan tâm trú trọng tới công tác tổ chức lực lượng, đầu tư năng lực toàn diện, nhất là nguồn lực, đặt con người là trung tâm của động lực để phát triển. Từ mô hình, quy chế tổ chức hoạt động, tổ chức biên chế luôn được thường xuyên củng cố, đáp ứng kịp thời với yêu cầu nhiệm vụ. Hiện tại ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 có tổ chức biên chế: 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc; 03 Cơ quan chức năng; 09 Đội xây dựng, với đội ngũ 125 cán bộ, CNV, hợp đồng lao động dài hạn và thường xuyên có trên 400 lao động

hợp đồng thời vụ, hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố phía Bắc. Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 ngày càng có những bước phát triển rõ rệt như:

Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Đảm bảo đời sống cho Cán bộ Công nhân viên.

Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Không ngừng tăng cường đầu tư vốn để xây dựng cơ sở vật chất cũng như mua sắm trang thiết bị.

Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên có đủ trình độ và năng lực để thích nghi với nền kinh tế hội nhập.

Để đáp ứng kịp thời những mục tiêu phát triển Công ty đã và đang tự đổi mới, thu hút và đầu tư chất xám, đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý, bồi dưỡng nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật.

Để Công ty đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay đòi hỏi nhà quản lý phải quán triệt toàn bộ công tác quản lý. Hạch toán kinh tế là bộ phận cấu thành nên công cụ quản lý điều hành mọi hoạt động SXKD của doanh nghiệp, đồng thời cũng là công cụ đắc lực cho nhà nước trong quản lý, chỉ đạo kinh doanh. Vì vậy kế toán phải thực hiện những quy định cụ thể, phù hợp với tính toán khách quan của một cơ chế quản lý nhất định. Việc nghiêm cứu cải tiến và hoàn thiện công tác kế toán NVL ở các doanh nghiệp là một vấn đề hết sức cấp bách và cần thiết. Đối với Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, là đơn vị hạch toán kinh doanh tự chủ thì điều này càng trở nên cần thiết hơn và thực hiện đúng các nguyên tắc sau:

- Thứ nhất: Kế toán NVL phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong hạch toán SXKD, kế toán vật tư phải đảm bảo cùng một lúc hai chức năng là phản ánh và giám sát quá trình nhập, xuất vật tư nhưng phải nhanh chóng và chính xác, cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình quản lý.

- Thứ hai: Xuất phát từ đặc trưng cụ thể của doanh nghiệp để hạch toán NVL một cách hữu hiệu, khách quan và tiết kiệm. Kế toán phải ghi chép đúng theo quy định của pháp luật.

- Thứ ba: Kế toán phải căn cứ vào mô hình chung trong hạch toán, những quy định về ghi chép luân chuyển chứng từ của doanh nghiệp để hoàn thiện các sơ đồ hạch toán, ghi chép kế toán.

- Thứ tư: Đảm bảo nguyên tắc phục vụ yêu cầu của hạch toán NVL theo thể chế và luật lệ mà nhà nước mới ban hành.

3.3. Thực trạng sử dụng nguyên vật liệu tại Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

- Việc dự trữ, bảo quản, cung ứng, sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 có hiệu quả.

- Quá trình mua nguyên vật liệu của Công ty được thực hiện rất nghiêm túc. Khi vật tư về Công ty có sự kiểm tra mẫu mã, quy cách số lượng theo quy định đảm bảo rồi mới cho nhập kho hoặc đưa thẳng vào trực tiếp sản xuất. Khi bộ phận nào có nhu cầu sử dụng thì phải làm giấy đề nghị xuất vật tư nhằm tránh hiện tượng sử dụng lãng phí, không đúng mục đích. Nhờ đó mà ban lãnh đạo công ty quản lý được tốt hơn.

- Tình hình về nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 được thực hiện tốt từ khâu thu mua, phân loại, tính giá, bảo quản, sử dụng, nhập kho, xuất kho, kiểm kê...đều theo đúng nguyên tắc kế toán, đảm bảo đầy đủ thủ tục, chứng từ theo đúng quy định của Nhà nước, việc sử dụng nguyên vật liệu là tiết kiệm, hợp lý, đạt hiệu quả.

- Nhu cầu sử dụng vật liệu ở các công trình đều được kiểm tra , xét duyệt trên cơ sở kế hoạch và định mức chặt chẽ và hợp lý tránh tình trạng lãng phí NVL.Vì thế, Công ty đã quản lý vật tư đưa vào sản xuất một cách hợp lý, tiết kiệm được chi phí NVL trong giá thành sản phẩm.

3.4. Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7

Qua quá trình nghiên cứu công tác kế toán tại Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, trên cơ sở lý luận đã được học ở nhà trường kết hợp với thực tế em nhận thấy rằng công tác kế toán tại Công ty có những ưu điểm nhất định phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty. Tuy nhiên, do các

nguyên nhân chủ quan khách quan mà công tác kế toán NVL tại Công ty còn nhiều hạn chế như đã nêu trên nên cần được khắc phục và hoàn thiện hơn.

Với tư cách là một sinh viên thực tập tại Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7, em xin mạnh dạn đưa một vài ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn nữa về công tác kế toán tại Công ty. Cụ thể là:

- Ý kiến thứ nhất: Về vai trò kiểm tra giám sát của kế toán Công ty.

Phòng kế toán tài chính của Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát tới từng đội công trình về việc thực hiện kế hoạch mua sắm, dự trữ NVL; duyệt chi phí thi công, kiểm tra sổ sách, kiểm tra các báo cáo kế toán NVL, tránh trường hợp vật tư nhập kho không đủ chứng từ gốc. Phổ biến và hướng dẫn thực hiện những thay đổi cũng như quy định mới của chế độ kế toán hiện hành.

Hiện nay, định kỳ (khoảng 6 tháng), nhân viên phòng kế toán Công ty sẽ tiến hành kiểm tra, hướng dẫn nhân viên kế toán tại các đội công trình. Đây là hoạt động quản lý không thể thiếu, thực hiện được chức năng quản lý tầm vĩ mô của phòng kế toán. Bởi vậy, theo em Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát, tiến hành thường xuyên. Ví dụ như: 3 tháng kiểm tra, hướng dẫn kế toán một lần.

- Ý kiến thứ hai: Về công tác tổ chức thu mua và bảo quản.

Việc quản lý vật tư hiện nay của Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7 là tương đối chặt chẽ, đảm bảo nguyên tắc nhập - xuất vật liệu. Tuy nhiên, qua thực tế ở các Đội, ta nhận thấy quản lý còn có một vài thiếu sót, gây lãng phí vật tư, nhất là các loại vật tư mua được chuyển thẳng tới chân công trình: cát, đá, gạch, thép... chỗ để vật liệu thường phải chuyển đổi theo địa điểm thi công, việc giao nhận các loại vật tư này thường không cần đo đếm cụ thể. Nên rất dễ bị sai lệch gây thất thoát vật tư. Vì vậy, ở mỗi công trạng phải chuẩn bị nơi tập kết chứa vật liệu, chuẩn bị chỗ để vật tư để bảo vệ thuận tiện cho quá trình thi công, xây dựng công trình và việc đo đếm cũng phải tiến hành chặt chẽ hơn làm giảm bớt việc thất thoát.

Trong công tác thu mua vật phụ, các đội cố gắng khai thác các nguồn cung cấp có giá trị hợp lý, chất lượng, khối lượng đảm bảo, nhà cung cấp có khả năng

cung cấp vật liệu tại chân công trình với thời hạn thanh toán sau. Công ty cũng cần bố trí đủ cán bộ vật tư tại mỗi công trình để quản lý được chúng.

- Ý kiến thứ ba: Xây dựng sổ danh điểm vật tư.

Lập sổ danh điểm vật tư là quy định cho mỗi vật tư một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số hoặc có thể kết hợp với chữ cái để thay thế tên gọi, quy cách kích thước của chúng.

Để lập sổ danh điểm vật tư cần xây dựng được bộ mã hoá vật tư chính xác, đầy đủ không trùng lặp và dễ nhớ.

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu quy cách nguyên liệu, vật liệu	Đơn vị	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm				
1521		Nguyên vật liệu chính			
1521-01		Đá các loại			
	1521-01-01	Đá nghiền nhỏ	m ³		
	1521-01-02	Đá 1×2	m ³		
	1521-01-03	Đá 2×4	m ³		
			
1521-02		Xi măng			
	1521-02-01	Xi măng PC 30	kg		
	11521-02-02	Xi măng PC 40	kg		
			
1521-03		Cát			
	1521-03-01	Cát vàng	m ³		
	1521-03-02	Cát bê tông	m ³		
			
1522		Vật liệu phụ			
1522-01	1522-01-01	Phụ gia bê tông	Kg		
			
1523		Nhiên liệu			
1523-01		Xăng			
	1523-01-01	Xăng Mogas 83	Lít		
	1523-01-02	Xang Mogas 92	Lít		
			

- **Ý kiến thứ tư:** Công ty nên tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ công ty có địa bàn SXKD phân tán nên gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm soát hoạt động SXKD. Vì vậy, việc thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty là cần thiết. Bộ phận này có sự quan tâm đúng mức và luôn đổi mới trong cách thức sản xuất sao cho phù hợp với từng thời kỳ, với quy mô công việc.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí Nghiệp 7 một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu năm 2016 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC vào ngày 22/12/2014.

+ Công tác kế toán nguyên vật liệu tương đối khoa học, đúng quy trình, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh.

- Hạn chế: Hiện nay công ty chưa xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu khoa học gây khó khăn cho việc theo dõi, kiểm tra và quản lý nguyên vật liệu.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên Duyên Hải – Xí Nghiệp 7 như sau:

Công ty nên lập Sổ danh điểm vật liệu cho thép và xi măng, gạch đá...để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại vật liệu một cách khoa học, tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán khi công ty hiện đại hóa công tác kế toán.

Các kiến nghị đưa ra đều xuất phát từ thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty sẽ góp phần giúp công ty nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô giáo **ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng** đã tận tâm hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình để hoàn thành bài khóa luận này. Em xin chân thành cảm ơn anh chị em kế toán trong Công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thu thập tài liệu đề chuyên đề tốt nghiệp của em được hoàn chỉnh hơn.